

# ĐẠI THỪA PHÁP UYỂN NGHĨA LÂM CHƯƠNG

## QUYỂN 5

### CHƯƠNG NHỊ THẬP THẤT HIỀN THÁNH

Lược dùng năm môn phân biệt:

- 1- Giải thích danh nghĩa.
- 2- Nêu ra thể.
- 3- Dựa vào thân địa.
- 4- Phế, lập.
- 5- Hỏi, đáp, quyết trạch.

**- Một. Giải thích danh nghĩa, trong đó có hai:**

- 1- Nêu tên gọi.
  - 2- Giải thích tên gọi.
- Nói nêu tên gọi, gồm có hai loại:
- 1- Vị nhân.
  - 2- Vị quả.

Y cứ vào nhân có mười tám, trong vị quả có chín thứ. Bốn mươi tám: Tức bốn Hưởng, ba quả, tức thành bảy thứ, 8: Tín giả; 9, là Kiến chí. 10, là thân chứng; 11 cuối cùng bảy lần trở lại; 12, gia gia; 13, Nhất gian; 14, Trung bát; 15, Sinh bát; 16, Vô hành bát; 17, Hữu hành bát; 18, Thượng lưu bát. Đây tức là mười tám danh trong Hữu học, ý nói chín trong Vô học.

- 1- A-la-hán.
- 2- Tuệ giải thoát.
- 3- Câu giải thoát.
- 4- Lui sụt.
- 5- Tư.
- 6- Hộ.

7- Tru.

8- Kham đạt.

9- Bất động.

Đây là y cứ Đại thừa, nêu ra tên gọi. Nếu y cứ Tiểu thừa, thì tên gọi kia có khác đôi chút. Trong Tiểu thừa, thì không có Tín giải, Kiến chí, nên lập Tùy tín hạnh, Tùy pháp hạnh, thay thế hai tên gọi trước. Nếu trong Vô học, không có La-hán, mở rộng riêng không lui sụt.

Từ trên đến đây, là nêu ra tên gọi đã xong.

Về giải thích tên gọi: Nói sơ quả: Gọi là Dự lưu. Dự, nghĩa là nhập; Lưu, nghĩa là loại, vì vào dòng Thánh nên gọi Dự Lưu.

Nói quả thứ hai: Gọi là Nhất vãng, tức dứt sáu phẩm hoặc, từ loài người sinh lên cõi trời, gọi là Vãng, từ cõi trời trở lại cõi người, gọi là Lai.

Nói quả thứ ba, gọi là Bất Hoàn, chín phẩm hoặc cõi Dục đều dứt hết, chỉ có một lần sinh, không sinh trở lại cõi Dục nữa, gọi là Bất Hoàn.

Nói bốn Hưởng, tức là thú hưởng tối, gọi là Hưởng. Pháp bốn hưởng không có nghĩa riêng.

Nói tín giải: Thuận theo tiếng nói của người khác mà sinh tín hiểu, gọi là Tín giải.

Nói Kiến chí: Pháp từng thấy có công năng đưa đến tận quả, gọi là Kiến chí.

Nói thân chứng: hai thứ tín giải, Kiến chí, bậc Thánh đến quả Bất Hoàn, vì trong thân, chứng đắc diệt diệt tận, nên chuyển vận gọi là thân chứng. Ở đây chỉ chuyển danh mà không chuyển thể; về mặt lý thuyết, lẽ ra phải nói rằng thân chứng diệt định; nhờ được diệt định, nên người được diệt định, tất nhiên đủ bảy giải thoát ở trước, nên Du-già nói: “Được tám giải thoát. Vì sao? Vì bảy giải thoát trước chung với phàm phu, nên phàm phu chỉ có bảy giải thoát ở trước, không gọi là thân chứng, diệt định không có tâm, chỉ có thân chứng đắc giống như pháp Niết-bàn, do thân chứng được, được gọi là Thân chứng. Thân, nghĩa là chứa nhóm. Hoặc lại y chỉ chứng, nghĩa là thành rõ ràng. Chứng và thân, y chủ, hai cách giải thích trái nhau đều được”.

Nói bảy lần trở lại Hữu: là bảy lần qua lại cõi người, cõi trời, gọi là bảy lần qua lại hữu. Nói gia gia. Nghĩa là vì từ nhà đến nhà, nên gọi gia gia, trong đó có bốn:

1- Từ cõi người đến cõi người.

2- Từ cõi trời đến cõi trời.

3- Từ cõi người đến cõi trời.

4- Từ cõi trời đến cõi người.

Đều gọi là gia gia. Nghĩa là không nhất định. Hoặc nói người của Sơ quả không sinh lại. Hai nhà, từ nhà Trưởng chết, truyền sinh nhà họ Vương, nên nói gia gia.

Nói nhất gian: Một đời hoặc nửa đời tồn tại, gọi là nhất gian, tức là nghĩa gián cách, cũng gọi nhất gian. Gián, nghĩa là ngăn cách, tức do đời này, kham năng chướng cách đạo quả Thánh, gọi là gián. Nếu dứt ba phẩm, tức ba đời tồn tại; nếu dứt bốn phẩm, tức sinh hai tồn tại. Nếu khi dứt năm phẩm, tất nhiên dứt sáu phẩm. Năm sức Thánh đạo hợp như thế, nếu dứt bảy, tám phẩm, tức nửa đời tồn tại.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Phẩm đầu thối nhuần hai đời, hai phẩm trung, hạ đều thối nhuần một đời. Phẩm trung, thượng, thối nhuần một đời. Hai phẩm hạ, thượng thối nhuần nửa đời; hai phẩm hạ, trung hạ, thối nhuần chung nửa đời.

Hỏi: Nhân nào chỉ có bảy đời, không đến tám, Không bớt sáu?

Đáp: Vì nhờ năng lực Thánh đạo, nên như rắn độc khi tổn hại người, bước đi không quá bảy bước, vì thế lực của nọc độc, nên không giảm đến sáu, bảy bước, nghĩa là vì bốn năng lực, nên nói Trung bát, nghĩa là ở trung hữu mà bát Niết-bàn, gọi là Sinh bát. Nghĩa là ở sinh hữu và trung bản hữu mà bát Niết-bàn.

Nói Hữu hành bát Niết-bàn. Nghĩa là gia hạnh tinh tấn, siêng năng mà bát Niết-bàn.

Nói Thượng lưu: Từ địa dưới hưởng lên địa trên, mà vì đi qua thọ sinh, nên gọi là Thượng lưu.

Hỏi: Sao gọi là Bát Niết-bàn?

Đáp: Bát Niết-bàn: nghĩa đặc quả, gọi là vì mạng bát mà được La-hán, nên gọi Bát Niết-bàn.

Từ trên đến đây Hữu học đã xong, giờ nói về La-hán: Tức là nghĩa Ứng Cúng. Có ba hạng La-hán, như luận giải thích rộng.

Nói Tuệ giải thoát, có công năng dứt chướng tuệ, hoàn toàn đều có công năng cùng tận, gọi là Câu giải thoát. Nói lui sụt, lui sụt có hai nghĩa: lui mất quả trong Tiểu thừa, gọi là lui sụt, lui mất thiền định, trụ hiện pháp lạc trong Đại thừa, gọi là lui sụt. Hoặc đi đạo tản mát; hoặc không đi đạo tản mát; hoặc tư duy; hoặc không tư duy; vì đều lui mất, nên gọi là lui sụt.

Nói tư, nghĩa là nếu không tư duy, tức là lui sụt. Nếu tư duy xong,

ấy là không lui mất, gọi là Tư. Nói hộ, nghĩa là nếu vì tác ý phòng hộ, nên không lui mất, nên gọi là Hộ.

Nói Trụ, nghĩa là ở vị bình đẳng cũng không luyện căn, cũng không lui sụt trụ ở vị bình đẳng, nên gọi là Trụ. Nói kham đạt: Tức là luyện căn; vì có khả năng tiến đạt, nên gọi kham đạt, tánh không lay động là căn nhạy bén không tiến, không lùi, gọi là bất động.

Từ trên đến đây là giải thích Đại thừa xong. Y cứ vào Tiểu thừa, tùy tín hạnh, tùy pháp hạnh, thuận theo tiếng nói của người khác mà sinh tín hiểu, gọi là Tùy tín hạnh.

Nói Tùy pháp hạnh: Là căn cơ nhạy bén, tự có công năng y giáo mà sinh ý hiểu, gọi là Tùy pháp hạnh.

**- Hai. Phát ra thể chung, riêng:**

Nói tướng chung: Nếu hữu học, vô học, dùng chung hữu vi, vô vi làm tự tánh.

Nói tướng riêng, trong đó có hai:

1- Hưởng.

2- Quả.

Nói Hưởng: Đầu tiên, là Hưởng Dự lưu, tức nhận lấy bốn gốc lành và mười lăm tâm Kiến Đạo đến nay, gọi chung là Hưởng.

Nói Hưởng Tư-đà-hàm: Chung: sáu đường vô gián, năm đường giải thoát, sáu đường đạo gia hạnh, mà làm thể tánh.

Nói Hưởng Na-hàm: Dùng chung chín vô gián, chín gia hạnh, tám giải thoát mà làm tự tánh.

Nói Hưởng A-la-hán: Dùng chung chín địa, tám mươi một đạo Vô gián; tám mươi một đạo gia hạnh; 81 đạo giải thoát, làm tự tánh.

Đây là y cứ hữu vi phát ra thể tánh, nếu nhận lấy vô vi, thì về lý, không có trái.

Từ trước đến nay, phát ra hưởng đến thể xong.

Nói thể của bốn quả: Quả đầu tiên, dùng chung tám mươi một phẩm vô vi.

Quả thứ hai dùng chung tám mươi một vô vi của Kiến đạo và nhận lấy sáu phẩm vô vi của tu đạo và nhận lấy tu tức khắc tám trí, mười sáu hạnh trong sáu phẩm của đạo giải thoát, mà làm thể tánh.

Quả thứ ba: Dùng chung tám mươi một vô vi của kiến đạo và nhận lấy chín phẩm vô vi của tu đạo và nhận lấy tu tức khắc tám trí, mười sáu hạnh trong đạo giải thoát thứ chín, mà làm thể tánh.

Quả thứ tư: Dùng chung tám mươi một vô vi của Kiến đạo và nhận

tám mươi một vô vi của đạo và nhận lấy sự tu tức khắc tám trí, mười sáu hạnh trong đạo giải thoát thứ chín, mà làm thể tánh.

Từ trên đến đây, là nêu ra thể tánh đã xong.

**- Ba. Y chỉ môn địa của thân:** trong đó có hai:

1- Dựa vào thân.

2- Dựa vào địa.

Nói dựa vào thân: Bốn quả, bốn Hương, trong ba cõi, cõi nào khởi đầu tiên? Trong chín địa, địa nào khởi đầu tiên?

Đáp: Ba hương của ba quả trước, chỉ có thân ở cõi Dục là chứng đầu tiên, khởi đầu tiên.

Quả thứ tư chung cho thân ba cõi. Hương của quả thứ tư, đầu tiên khởi chỉ có dục, sắc. Nếu y cứ ở Địa luận, thì Hương của ba quả trước chỉ một địa khởi. Nghĩa là địa cõi Dục, quả thứ tư kia chung cho chín địa. Hương của quả thứ tư, chuẩn y quả, nên biết, giải thích dựa vào thân đã xong.

Nói dựa vào địa: Hai quả trước, chỉ tâm của Vị chí đầu tiên. Nếu là quả A-na-hàm, thì Vị chí đầu tiên và căn bản. Nếu là quả A-la-hán thì sẽ chung cho tâm chín địa, căn bản và Vị chí đầu tiên, tức chín địa thành, tức nêu ra dựa vào thân, địa đã xong.

**- Nói thứ tư là phế, lập:**

Hỏi: Trong quả nào mà lập tín hiểu, Kiến chí và thân chứng ư?

Đáp: Tín giải, Kiến chí, tức là Tùy tín hạnh, Tùy pháp hạnh. Chuyển đến trong ba quả trước, hoặc Hương, hoặc quả, lập làm Tín giải, Kiến chí, nếu trong quả thứ ba là thân chứng.

Hỏi: Tín giải, Kiến chí, hai thứ này có gì khác nhau?

Đáp: Tín giải là chậm lụt, Kiến chí là nhạy bén, do thuận theo tín hiểu chuyển vận, gọi là Tín giải; do thuận theo pháp hạnh chuyển vận thành Kiến chí, nên cả hai đều khác nhau.

Hỏi: Có bao nhiêu phẩm hoặc cùng tận, để kiến lập bốn quả?

Đáp: Chủ yếu là đoạn hết hoặc do kiến đoạn của ba cõi, nên lập sơ quả, nghĩa là dứt sáu phẩm dục, kiến lập thứ hai. Nếu đoạn chín phẩm cõi Dục đều cùng tận mà lập thứ ba. Kiến, tu ba cõi đều chung mà lập thứ tư?

Hỏi: Xứ nào kiến lập bảy lần trở lại?

Đáp: Y cứ vào nghiệp mà lập. Nghĩa là nghiệp của bảy lần sinh mà lập bảy lần trở lại. Đây là y cứ vào số nhiều mà nói, chẳng phải

không có số sinh bốn, ba v.v..., không ngăn cấm.

Hỏi: Ở chỗ nào mà lập gia gia?

Đáp: Y cứ vào sự sinh, y cứ vào hoặc mà lập gia gia.

Nói y cứ vào sinh, nghĩa là hai sinh, ba sinh.

Nói y cứ vào hoặc, nếu dứt ba, bốn phẩm, thì người kia đối trị hai, ba phẩm hoặc khác, gọi là gia gia.

Hỏi: Vì sao chỉ ở hai sinh, ba sinh mà lập gia gia?

Đáp: Nói về nghiệp trở lại đều do hoặc thãm nhuần, nghĩa nhuần sinh lược có hai thứ:

1- Chung.

2- Riêng.

Nói chung: Ba phẩm trước, do thãm nhuần bốn sinh; ba phẩm giữa, thãm nhuần chung hai sinh; ba phẩm dưới, thãm nhuần chung một sinh.

Nói riêng: Y cứ vào ba phẩm đầu, một phẩm đầu, do thãm nhuần 2 sinh. Tiếp theo, có hai phẩm đều thãm nhuần một sinh. Phẩm trung, thượng, thãm nhuần một sinh; hai phẩm trung, hạ thãm nhuần chung một sinh; ba phẩm sau, thãm nhuần chung một sinh, ở phẩm trung khác, một phẩm đầu, thãm nhuần riêng nửa sinh.

Tiếp theo, có hai phẩm, thãm nhuần chung nửa sinh. Y cứ bên nghĩa này, tức có nghĩa tổn hại sự sinh. Nếu dứt ba phẩm tức có ba sinh, tức tổn hại bốn nghiệp sinh. Phẩm khác có ba sinh tồn tại.

Nếu dứt bốn phẩm hoặc, thì có hai sinh. Nghĩa là vì thãm nhuần một sinh riêng của phẩm thứ tư.

Nếu y cứ vào bốn sinh để lập Gia gia, thì tức là lỗi lầm của sự sinh ngược dòng. Nếu dứt trừ ba phẩm hoặc, tức là dứt hết nghiệp của bốn sinh.

Cho nên, không được y cứ vào bốn sinh. Nếu dứt bốn phẩm, thì tổn hại nghiệp của năm sinh. Nếu dứt năm phẩm, tất nhiên đoạn thứ sáu.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp: Vì do quả gần, nên không còn ó trụ chậm chạp.

Hỏi: Vì sao chỉ đối với ba, bốn phẩm mà lập gia gia? Không y cứ vào dứt một, hai phẩm mà lập Gia gia?

Đáp: Năng lực của phẩm hoặc, v.v... Thánh đạo đều đồng. Nếu dứt hai phẩm, thì tất nhiên sẽ dứt thứ ba, vì đồng với phẩm trên, một nhập đoạn là dứt, không có nghĩa xuất quán.

Hỏi: Ba phẩm thượng bằng nhau không phát ra tức là dứt; ba phẩm

của phẩm trung bằng nhau, lẽ ra cũng phải nhập đoạn?

Hỏi: Ở xứ nào mà kiến lập Nhất gian?

Đáp: Trong Hương Na-hàm dứt bảy, tám phẩm, chỉ Nhất lai sinh mà lập Nhất gian.

Hỏi: Ở xứ nào mà lập năm thứ bát?

Đáp: Lập ở trong Na hàm.

Hỏi: Thượng lưu có bao nhiêu hạng?

Đáp: Thượng lưu có ba hạng:

1- Siêu việt hoàn toàn.

2- Siêu việt phân nửa.

3- Mất khắp.

Nói siêu vượt hoàn toàn: có hai loại:

1- Thượng lưu của tuệ lạc, vì chết ở Sơ thiên, sinh thẳng ngũ Tịnh cư, lạc, tuệ này vượt hơn hoàn toàn.

2- Lạc định siêu việt hoàn toàn, vì tử, sinh của Sơ thiên, ở Phi tướng, đều đối với cái chết của Sơ thiên, thuận theo các địa đó mà được thọ sinh.

Nói mất khắp: Nghĩa là thứ lớp mà sinh, không được cách vượt, gọi là mất khắp. Ngoài ra, Na-hàm, như đã nói trong phần giải thích tên gọi.

Hỏi: Vì sao kiến lập La-hán?

Đáp: đối với bốn quả để nói.

Hỏi: Vì sao kiến lập tuệ câu giải thoát?

Đáp: Vì diệt trừ hai chướng của định, tuệ, cũng lập hai thứ.

Thế nào là tuệ giải thoát?

Nghĩa là đã có thể, chứng đắc các lậu hết hẳn. Đối với tám giải thoát, chưa thể thân chứng, an trụ đầy đủ, đây gọi là tuệ giải thoát.

Về nghĩa này với ý nói: Chướng có hai thứ:

Phiền não chướng làm chướng ngại tuệ Thánh, không được quả thích ứng.

2- Sự chướng: Y cứ vào phần vượt hơn mà nói, chỉ có dị thực sinh hỷ, lạc, xả thọ có chướng thấp kém. Đối với đẳng chí ở trên, không chịu cầu tiến, thuộc về sở tri chướng.

Vì người này chỉ có thể dứt chướng đầu tiên, nên tuệ ràng buộc được giải thoát. Tuệ, nghĩa là phân biệt, lựa chọn, vì lìa ràng buộc nên gọi là giải thoát. Tuệ sở hữu giải thoát, gọi là Tuệ giải thoát. Lại, các A-la-hán, là người được diệt định, gọi là Câu giải thoát, do năng lực định, tuệ, mà giải thoát phiền não, giải thoát chướng.

Hỏi: Vì sao kiến lập sáu hạng A-la-hán?

Đáp: Y cứ vào chủng tánh, để lập riêng sáu hạng khác nhau.

**- Thứ năm, là hỏi đáp, quyết định lựa chọn:**

Hỏi: Trong chín địa đều có hoặc kia, vì sao chỉ trong cõi Dục mà lập ba quả?

Đáp: Vì cõi Dục có đủ ba tánh, ba thọ phiền não lẫn lộn, nhiều sự sinh, lập nhiều quả.

Vì cõi trên chỉ địa định, không có nhiều phiền não lẫn lộn, nên không lập ra nhiều quả.

Hỏi: Trong bốn quả có hai thứ:

1- Nhận lấy hữu vi.

2- Nhận lấy vô vi.

Trong hai thứ này, thứ nào vượt hơn?

Đáp: Nhận lấy hữu vi là vượt hơn, vì hữu vi kia là nghĩa tiến thủ; nghĩa của pháp vô vi đâu có tiến thủ; vì vô vi không có nghĩa tiến thủ, nên cách giải thích trước hơn.

Hỏi: Vô gián, giải thoát, đạo nào được lập quả?

Đáp: Chỉ ở trong đạo giải thoát mà lập quả, vì đạo giải thoát được quả tròn khắp, nên mới lập ra quả.

Hỏi: Vì sao chỉ nhận lấy giải thoát?

Đáp: Vì được quả bỏ hưởng, được hơn, bỏ kém, chỉ có đạo giải thoát. Hơn nữa, vì đạo giải thoát có thể chứng vô vi, nên nhận lấy giải thoát.

Hỏi: Trong hưởng, vì sao không nhận lấy vô vi kiến đạo? Trong quả nhận lấy Vô vi này là ý gì? Trong lập quả sao gọi nhập tám trí, mười sáu hạnh?

Đáp: Vì nhận lấy tám đế trên, dưới; nói mười sáu hạnh: tức nhận lấy khổ, không, vô thường, v.v...

Hỏi: Ở cõi Dục, trải qua sinh Na-hàm, khi sắp qua đời, có nghĩa là được quả hay không? Vì Na-hàm kia đã trải qua sự sinh, tất nhiên, về mặt không sinh, do dứt hoặc hết, nên không có lý mào sinh cõi Dục?

Đáp: Có hai cách giải thích:

1- Giải thích rằng: Y cứ trên thân Na-hàm, chắc chắn được quả, tất nhiên không có qua đời.

2- Rằng: Hỏi: Vì sao bậc Thánh không sinh Trung gian thiên? Và không y chỉ thiên đó mà được đạo Thánh?

Đáp: Vì không có nhiều dụng vượt hơn, không dựa vào tâm họ.



Hơn nữa, vì nhiều chướng nạn, nên không sinh thiên ấy.

Hỏi: Vị Chí đầu tiên thuộc về cõi nào? Hỏi: Thân chứng và câu giải thoát, có gì khác nhau?

Đáp: Nhân, quả hai thứ khác nhau: Thân chứng thuộc về nhân; Câu giải thoát là gồm cả quả.

Hỏi: Nếu quả đầu tiên tức là hương của quả thứ hai, thì điều này có gì khác nhau?

Đáp: Mặc dù được Sơ quả, nhưng chưa tiến tới dứt hoặc do tu đoạn, thì chỉ gọi là trụ quả, không gọi là hương. Nếu được quả xong, tiến đến dứt hoặc do tu đoạn, tùy thuộc vào đối tượng thích ứng của Hương đó, là thuộc về Hương.

Hỏi: Nếu có Hương, cũng là quả phải không? Có quả, cũng là Hương phải không?

Đáp: Có, với bốn câu:

1- Có quả mà chẳng phải Hương: Nghĩa là hai quả trung gian, không tiến đến đoạn vị.

2- Có Hương chẳng phải quả, nghĩa là Hương của Sơ quả.

3- Vừa Hương, vừa quả, nghĩa là hai quả Trung gian, tiến đến đoạn vị.

4- Chẳng phải quả, chẳng phải Hương. Trái với ở trên, nên biết.

Hỏi: Nhuận sinh một phẩm hạ, thượng, riêng thắm nhuần nửa sinh. Hai phẩm trung, hạ thắm nhuần chung một nửa sinh, làm sao đoạn dục phẩm thứ tám mà lập Nhất gian?

Hỏi: Trung bát Na-hàm nhận lấy Trung hữu nào?

Đáp: Chỉ nhận lấy tử sinh cõi Dục, ở cõi Sắc nhận lấy Trung hữu cõi này, không nhận lấy Trung hữu cõi khác.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp: Vì sinh trở lại cõi Dục, hai tánh phiền não lẫn lộn của cõi Dục; cõi Sắc sinh một tánh không nhằm chán của cõi Sắc. Cõi Sắc sinh Vô Sắc, không có Trung hữu kia.

Hỏi: Hiền, Thánh có hai mươi bảy, vì sao các chỗ chỉ nói bốn quả?

Đáp: Có năm nghĩa:

1- Bỏ pháp mà mình đã từng được.

2- Được pháp mà mình chưa từng được.

3- Vì hạnh tập đoạn v.v... Nghĩa là nhóm họp các vô vi; dứt trừ các phiền não.

4- Được tức khắc tám trí.

5- Tu tức khắc mười sáu hạnh.

Vì đủ năm nghĩa này, nên lập bốn quả, cũng không có khó khăn, trở ngại.

Nghĩa Uẩn, giới, xứ của Đại thừa.

Nghĩa uẩn, giới, xứ có năm môn phân biệt:

1- Nói về tên gọi.

2- Nêu ra thể.

3- Phế, lập.

4- Một trăm pháp gồm nhau.

5- Phân biệt mười tánh, v.v...

- *Một là, Giải thích tên gọi:* Đầu tiên, giải thích danh từ mới, cũ; sau, giải thích danh nghĩa. Tiếng phạm là Tắc-kiến-đà, đời Đường dịch là uẩn, xưa dịch là Ấm. Ấm này nghĩa là che khuất. Nếu nói ấm, bản Phạm nên nói là: “Bát-la-Bà-đà. Xét về tiếng ấm, nên dùng trái với hiện nay, ấm của âm, dương”.

Các sư cận đại, đua nhau soạn ra cách giải thích khác lạ, hoặc nói rằng, lạt tụ, gọi là lạt ấm.

Cách giải thích này không hợp lý, nhưng y cứ vào y phương nói đạm ấm, không nói ấm.

Lại, có cách giải thích khác lạ, không thể thuật đủ. Nếu nói khí ấm là bị che bởi vạn vật, tức là nghĩa tụ, mượn dụ đặt tên, thô có thể là con đường chung, nhưng chẳng phải gọi chính thức. Nay gọi uẩn, hoặc gọi là chúng, nên Pháp Hoa chép: “Sự sinh diệt của năm chúng”

Cách giải thích này cũng không hợp lý, vì nếu nói là chúng, thì bốn Phạm lẽ ra phải nói là Tăng-già; hoặc dịch là Tụ.

Cách giải thích này cũng không đúng. Nếu nói Tụ, thì bốn Phạm nên nói là Hạt-la-đà. Lại, nói là xứ, tiếng Phạm là nói A-dã-đát, cựu dịch là Nhập.

Cách dịch nghĩa này cũng không hợp lý, vì nếu nói nhập, thì tiếng phạm nói Bát-la-phệ-xá, kinh xưa cũng dịch là Xứ; như Không vô biên xứ, v.v... xứ A-luyện-nhã, đều đồng với cách dịch hiện nay. Tiếng Phạm nói: “Đà-Đô, đời Đường dịch là giới, có người dịch là Trì”.

Y cứ sai lệch một nghĩa, chẳng phải lý cùng tận.

Giải thích về danh nghĩa: Câu-xá nói: Dòng họ của môn sinh, tụ nghĩa là uẩn, xứ, giới. Uẩn nghĩa là nhóm, vì có thể nhóm nghĩa của 11 thứ, nên Trung Biên chép: “Chẳng phải một và giản lược chung nghĩa phần đoạn, gọi là uẩn”.

Luận Câu xá kia giải thích:

1- Chẳng phải một nghĩa, như khế kinh chép: “Các sắc sở hữu, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, ngoài; hoặc thô, tế; hoặc kém, hơn; hoặc xa, gần”.

Như thế, tất cả lược làm một nhóm, gọi là sắc. Uẩn, do nghĩa nhóm này, mà nghĩa uẩn được thành. Câu-xá giải thích rằng: “Trong kinh này, vô thường đã diệt, gọi là quá khứ. Nếu chưa đã sinh, gọi là vị lai. Đã sinh chưa dứt, gọi là hiện tại. Tự thân, gọi là nội, pháp khác gọi là ngoại. Hoặc y cứ vào xứ để giải thích. Có đối gọi là thô; không có đối gọi là tế. Khổ, tập ô nhiễm gọi là thua, kém, không ô nhiễm, gọi là vượt hơn. Khứ, lai gọi là xa; hiện tại gọi là gần, cho đến thức, uẩn, phải biết cũng như vậy”.

2- Nghĩa giản lược, bao gồm, như kinh nói: “Như thế, tất cả giản lược, làm nghĩa ba phần đoạn của nhóm chung, như kinh nói: “gọi là sắc uẩn, v.v... đều an lập riêng tướng sắc uẩn v.v... Do nghĩa nhóm này mà nghĩa uẩn được thành”. Luận Câu-xá chép: “Nghĩa nhóm hòa hợp là nghĩa Uẩn. Đây là theo nội minh giải thích”.

3- Nghĩa gánh vác, gánh nặng, như thế gian nói: “Vài gọi là uẩn, vì vật được chứa nhóm đây là y cứ theo thế tục giải thích.

4- Nghĩa có thể phân đoạn, là nghĩa uẩn. Thế gian có người nói: “uẩn của ông, trả lại, tôi sẽ cho ông (Đây là giải thích theo Thịnh luận).

Xét 3 cách giải thích của Câu-xá và Trung Biên chẳng phải một và lược chung nghĩa phần đoạn, gọi uẩn, giống với ý của luận kia. Lại, giải thích uẩn có hai nghĩa:

1- Nghĩa tụ.

2- Nghĩa diệt.

Nên Tỳ-đàm chép: “Ấm nghĩa là nhóm. Xưa nói mười hai nhập là nghĩa sát. Nay, nói rằng xứ: là nghĩa sinh ra, vì sinh ra xứ môn của sáu thức”.

Câu-xá chép: “Nghĩa dòng họ là nghĩa giới. Đại thừa giải thích tên gọi. Vì nghĩa hạt giống gọi là giới, nên luận Trung Biên nói: “Chẳng phải một và tổng lược nghĩa phần đoạn, gọi là uẩn, chủ thể, đối tượng nhận lấy, luận Đại thừa nhận lấy nghĩa hạt giống, gọi là giới. Chủ thể thọ cảnh, đối tượng liễu, dùng nghĩa môn, gọi là xứ”.

- Hai là, nói về thể: Tánh năm uẩn kia chỉ là hữu vi, vì chứa nhóm, luận Câu-xá nói: “Uẩn không gồm thân nghĩa vô vi, vì không tương ưng. Lại, Tỳ-đàm chép: “Ấm là pháp chết, chỉ gồm thân hữu vi, tánh y tha trong ba tánh, vì bàn bạc là pháp có, nên chẳng phải biến kế sở chấp. Vì chung cho vô lậu, nên cũng là viên thành thật”.

Trong năm pháp, thể là bốn pháp trước, chỉ trừ như, mười hai xứ, mười tám giới, chung cho dùng hữu vi, vô vi làm thể. Gồm thân chung năm pháp, kể cả hai tánh, trừ tánh biến kế sở chấp, vì không có tự thể.

- *Ba là phế, lập*: Có hai môn:

1- Phế, lập chung ba khoa.

2- Phế riêng, lập năm mươi hai vị, v.v...

Về Chung, Câu-xá chép: “Vì ba ngu, căn, lạc, nên nói bà uẩn, xứ, giới. Luận kia tự giải thích: “Hoặc tâm sở ngu, chấp chung là ngã; hoặc chỉ ngu sắc, hoặc ngu sắc, tâm; Lại, căn cũng có ba. Nghĩa là nhạy bén, trung bình, và vì văn rộng, như thứ lớp ba thứ đó, Đức Thế Tôn nói ba uẩn, xứ, giới”.

Du-già quyển 9 chép: “Bỏ, ba khoa lập, ly hợp”. Tụng rằng:

*“Tùy tăng nói sự ngã.*

*Vì dựa sở hành này.*

*Sinh trì, chưa lược, rộng.*

*Không có sở duyên căn”.*

Như trên nói về phế, lập chung đã xong. Giải thích văn tụng này, dưới đây tự rõ.

Kế là phế, lập riêng: Tùy tăng nói sự ngã: bỏ, lập năm uẩn. Đối pháp nói do đâu chỉ có năm? Vì biểu thị rõ năm thứ sự ngã; nghĩa là thân đủ sự ngã, nói năng sự ngã, tạo tác tất cả sự ngã pháp, phi pháp, sự tự thể của ngã, đối tượng y chỉ của sự ngã kia, như thứ lớp của sự ngã kia, phối hợp; giải thích năm uẩn không bớt, không thêm. Lại, Câu-xá chép: “Tùy thuộc giới, đồ đựng v.v... thô, nhiễm, riêng lẻ, thứ lớp lập. Đây cũng là phế, lập, cũng là thứ lớp trước sau”. Luận chép: “Vì sắc có đối, nên là thô trong các uẩn; thô trong vô sắc, chỉ vì hành tướng thọ, nên thế gian nói: “Tay ta đau!” Đối đãi với phần thô của hai tướng; vì tướng nam, nữ, v.v... dễ biết rõ, nên hành uẩn vượt qua thức. Vì hành tướng tham, sân, v.v... dễ biết rõ, nên thức rất sâu kín. Nhận lấy chung tướng cảnh, vì khó phân biệt. Hoặc từ sinh tử vô thủy đến nay, nam, nữ đối với sắc lại yêu thích nhau. Đây là do ham vui vướng mắc vị lạc thọ, nên ham vui ái, lại vì từ tướng đảo ngược sinh; tướng trái ngược này sinh, vì phiền não, nên phiền não ấy dựa vào thức mà sinh. Phiền não này và ba phiền não trước, đều là thức ô nhiễm. Do đây, tùy thuộc vào nhiễm lập thứ lớp uẩn. Hoặc sắc, như đồ đựng, lãnh thọ thức uống ăn, tướng đồng giúp vị. Hành động giống như người đầu bếp, thức dụ cho người ăn, nên tùy thuộc đồ đựng v.v..., lập ra thứ lớp uẩn. Hoặc tùy thuộc giới, lập riêng thứ lớp uẩn, nghĩa là trong cõi Dục, có các diệu

dục, sắc tướng rõ ràng. Tinh lự cõi Sắc có hỷ, v.v... vượt hơn, tướng thọ được rõ ràng”.

Trong ba Vô sắc, nhận lấy tướng không, v.v... tướng tướng được hiểu rõ. Tư trong hữu thứ nhất là hơn hết, với hành tướng được rõ ràng. Đây là Thức trụ. Thức trụ trong đó, rõ ràng giống như thứ lớp hạt giống ruộng của thế gian.

Cho nên, thứ lớp các uẩn như thế. Do năm uẩn này không có lỗi thêm bớt, thứ lớp xứ, giới, tụng chép:

*Năm cảnh trước chỉ hiện.*

*Bốn cảnh chỉ sở tạo.*

*Dụng khác xa, chóng, sáng.*

Hoặc tùy thuộc thứ lớp xứ (sợ rườm rà, không thể giải thích riêng). Y cứ luận Đối pháp quyển 1, phệ lập 18 giới: Do thân đủ v.v... có thể giữ gìn sáu hạnh quá, hiện, vì tánh thọ dụng.

Giải thích rằng: Thân: Nghĩa là sáu căn trong. Đủ, nghĩa là sáu cảnh ngoài, tánh thọ dụng của hạnh quá, hiện. Nghĩa là sáu thức, chủ thể gìn giữ. Nghĩa là sáu căn, cảnh, công năng gìn giữ, vì duyên sở y của sáu thức quá, hiện, hay gìn giữ, thọ dụng vì không bỏ tự tướng, nên phải biết mười tám do nghĩa công năng gìn giữ, nên gọi là Giới.

Hỏi: Nguyên nhân nào xứ chỉ có mười hai?

Đáp: Chỉ do thân đủ, có thể cho thọ dụng sáu hạnh ở vị lai, làm môn sinh trưởng; nói chỉ, nghĩa là phân biệt sáu thức.

- *Thứ tư, dùng uẩn, xứ, giới, với một trăm pháp gồm nhau:*

Trong sắc uẩn, gồm sáu mươi một sắc. Thọ uẩn gồm sáu mươi một thọ trong biến hành; Tưởng uẩn gồm sáu mươi một tưởng trong biến hành. Hành uẩn gồm sáu mươi một hành tương ứng với bốn mươi chín pháp và gồm sáu mươi một pháp bất tương ứng hành, hợp với bảy mươi ba pháp. Thức uẩn chỉ gồm sáu mươi một thức tâm pháp. Gồm sáu mươi một pháp chung chín mươi bốn pháp, chỉ trừ sáu vô vi, nên Câu-xá chép: “Uẩn không gồm sáu mươi một, vì không tương ứng”.

Thuộc về mười hai xứ: Năm xứ trong, năm xứ ngoài gồm sáu mươi một thức, ý xứ gồm sáu mươi một thức; pháp xứ gồm sáu mươi một pháp, cái gọi là sắc có năm thứ thuộc về sắc pháp, pháp xứ, là pháp tương ứng có năm mươi một, pháp bất tương ứng có hai mươi bốn, pháp vô vi có sáu, cộng chung là sáu mươi một pháp.

Thuộc về mười tám giới: Chỉ mở rộng ý xứ, lập sáu thức giới, pháp khác đều đồng với xứ.

Phân biệt năm mươi một uẩn, v.v... dù không có một xứ nói đủ,

nhưng nghiên cứu chung các luận, cũng có thể lập đủ:

- 1- Uẩn vô lậu thiện.
- 2- Uẩn thiện gia hạnh.
- 3- Uẩn thiện sinh đắc.
- 4- Uẩn bất thiện.
- 5- Uẩn hữu phú, vô ký.
- 6- Uẩn dị thực vô ký.
- 7- Uẩn vô ký oai nghi.
- 8- Uẩn vô ký khéo léo.
- 9- Uẩn vô ký biến hóa.
- 10- Uẩn vô ký tự tánh.

1. Là Sắc uẩn vô lậu: Có thuyết nói: “Chỉ có sắc do định sinh, phần ít sắc uẩn, không có năm căn v.v..., nghĩa thích đáng đều đủ”. Kinh Niết-bàn chép: “Xả sắc vô thường, được sắc, v.v... thường”. Kinh Thắng-man chép: “Sắc thân mâu nhiệm của Như Lai”. Kinh Phật Địa chép: “Có năm thứ pháp gồm đầu địa vị Đại giác”. Duy thức quyển 10, luận Phật Địa chép: “Thuộc về uẩn, xứ, giới, công đức của Như Lai”.

Vấn như thế, v.v... chứng thành chẳng phải một, không thể trích dẫn rườm rà. Dưới đây đều so sánh mà biết, nên pháp năm uẩn đều chung cho vô lậu ở Bách pháp, gồm có bảy mươi pháp chung cho vô lậu. Tám thức của tâm, Pháp thứ nhất là tánh thức uẩn. Pháp Tâm sở thứ hai có hai mươi ba, chung cho vô lậu, nghĩa là biến hành năm; biệt cảnh năm; thiện mười một; bất định hai, gọi là tâm, từ. Thứ ba, là sắc pháp có mười một, nghĩa là năm căn, năm cảm và pháp xứ, gồm đầu giới đáng được ưa thích của bậc Thánh và sắc do định tự tại sinh. Bất tương ưng hành nhận lấy hai mươi hai, trừ định Vô Tướng, vô tướng sự, trừ tánh phàm phu nhận lấy phi đắc. Nếu nhận lấy tánh phàm phu, chỉ trừ hữu lậu, thì vô vi thứ năm có sáu, đều chỉ có vô lậu, vì dựa vào chân như giả lập, Đối pháp nói: “Không phi trạch diệt thắng nghĩa vô ký: cũng môn tùy chuyển, hai gia hạnh thiện, năm uẩn có năm mươi hai pháp. Tâm có sáu, trừ thức thứ bảy, tám. Trong nhân, chỉ vì vô ký, đến vị chuyển y, ấy là vì vô lậu”. Các pháp tâm sở có hai mươi lăm Biến hành, Biệt cảnh đều năm; thiện có mười một, Bất định có bốn.

Thứ ba, sắc pháp có ba, vì hai biểu sắc, tinh, tâm thiện gia hạnh phát. Định cộng giới và một phần vô biểu tán, vì là thiện gia hạnh.

Thứ tư, Bất tương ưng hành pháp, có mười tám pháp, trừ mạng căn, đồng phần, trừ Vô tướng và danh, cú, văn, thân.

Đối pháp nói: “Một phần năm uẩn là thiện”. Lại nói: “Thiện gia

hạnh. Nghĩa là y chỉ trượng phu thiện, lắng nghe chánh pháp, tu tập tịnh thiện, pháp tùy pháp hạnh”.

Đối pháp quyển 54 chép: “Sắc định oai đức, cũng chung cho hữu lậu. Các sắc này nói chung, nhân văn tuệ v.v... đã phát ra thân, ngữ, sắc v.v... cảnh định là tánh sắc uẩn, nên chung cho năm uẩn. Ba sinh đặc thiện năm uẩn, cộng chung bốn mươi chín pháp làm tánh. Trong ba sắc uẩn, nghĩa là biểu sắc, thính và pháp xứ, một phần vô biểu tán; tâm sở pháp hai mươi bốn; biến hành; biệt cảnh, thiện mười, trừ khinh an và bốn bất định; bất tương ứng mười sáu, trừ mạng căn, đồng phần, ba vô tâm và danh, cú, văn thân. Nhận lấy sáu thức trong uẩn thức, trừ thức thứ bảy, thứ tám”. Đối pháp chép: “Sinh đặc thiện: Tức trước đã nói phát khởi thiện thân, ngữ, v.v... do tập quán trước cảm được quả báo như thế, cho đến nói rộng, với tín v.v... vì đều nhậm vận khởi” Ý này là nói: “Tập đời trước làm nhân, tâm sở sinh đặc thiện, phát ra thân, ngữ làm tánh sắc uẩn. Bốn bất thiện, năm uẩn: Dùng sáu mươi lăm pháp làm tánh, sắc uẩn chỉ có ba, nghĩa là hai biểu sắc, thính và pháp xứ, vô biểu bất luật nghi. Bốn mươi trong pháp tâm sở, biến hành, biệt cảnh và phiền não sáu, tùy phiền não hai mươi; bất định bốn. Trong thức uẩn nhận lấy sáu thức, trừ hai thức bảy, tám, nhận lấy mười sáu tướng trong bất tương ứng. Nghĩa là đặc, phi đặc, bốn tướng và mười thức sau, năm hữu phú vô ký, năm uẩn có năm mươi bốn pháp, sắc uẩn chỉ có hai, nghĩa là thân, ngữ biểu. Phạm đối với Thích tử, vì cầm tay, hành động lừa dối. Tâm pháp có bảy, trừ thức thứ tám, bảy thức còn lại chung cho hữu phú”.

Pháp sở hữu của Tâm có hai, nghĩa là biến hành, biệt cảnh và phiền não căn bản năm, trừ sân, tùy hoặc có mười một, trừ bảy phần v.v... và vô tâm, vô quý hai, nhận lấy ba trong bất định, chỉ trừ hối.

Pháp bất tương ứng nhận lấy mười sáu, nghĩa là đặc, phi đặc, bốn tướng và mười thức sau. Đối pháp quyển bốn chép: “Nếu phân biệt phiền não, tùy phiền não, hệ thuộc cõi Dục, là bất thiện. Nếu nhậm vận bất thiện, vì pháp khác đều là hành vi ác, thì cũng bất thiện, vì pháp khác đều là hữu phú vô ký, một phần năm uẩn là tánh hữu phú, năm uẩn bất thiện, so sánh mà biết”.

Sáu dị thực, năm uẩn vô ký. Sắc uẩn có mười, nghĩa là năm căn, cảnh, chỉ trừ sắc pháp xứ, vì sắc đó chẳng phải dị thực. Đối pháp chép: “tám giới, tám xứ là vô ký: Y cứ toàn phần nói. Nay nhận lấy sắc, thính, y cứ vào dung nhan”.

Có thuyết nói: ““Tiếng” chung cho dị thực, y chỉ địa Bồ-tát, vì

thường thực hành ái ngữ, như ngữ, đế ngữ, nên cảm được tướng tiếng Phạm âm của Đại sư, vì đồng với tướng tốt khác, chung cho dị thực, nên tiếng thuộc thứ ba”.

- *Thứ năm là chuyển*: Tỳ chuyển Tiểu thừa, vì tiếng chẳng phải dị thực, nên mười sắc uẩn đều chung cho dị thực, tâm pháp chung cho bảy thức, chỉ trừ Mạt-na.

Pháp sở hữu của Tâm, nhận lấy mười một, nghĩa là biến hành, biệt cảnh và nhận lấy miên trong bất định, trừ ba pháp còn lại.

Pháp bất tương ứng nhận lấy hai mươi hai, chỉ trừ hai định.

Thứ bảy là năm uẩn oai nghi lộ: Đối pháp chép: “Nghĩa là tâm sở ôm áp phi nhiễm, phi tịnh, phát ra oai nghi, có ba mươi chín pháp. Trong sắc uẩn có bốn là sắc, hương, vị, xúc. Trong tâm pháp có năm, nghĩa là ý thức duyên phát oai nghi; bốn thức nhãn, tỷ, thiệt, thân duyên oai nghi, vì dùng tiếng phi oai nghi, nên không nói nhĩ thức. Nếu thức thứ tám, vì duyên bốn trần nên được gọi là duyên oai nghi”. Tát-Bà-đa lại lập giống như tâm oai nghi, tức gồm có sáu thức, là thức uẩn oai nghi lộ”.

Pháp sở hữu của Tâm có mười bốn, biến hành có năm; biệt cảnh có năm, và bất định có bốn. Pháp bất tương ứng có mười sáu, đó là đắc, phi đắc, bốn tướng và mười thứ sau.

Thứ tám là năm uẩn của công xảo xứ: Đối pháp chép: “Nghĩa là tâm sở phi nhiễm, phi tịnh, khởi xứ công xảo, là pháp của tánh vô ký, có bốn mươi hai pháp. Trong sắc uẩn có năm, tánh bốn trần công xảo của thân; công xảo của ngữ, tức là tiếng. Tâm pháp nhận lấy bảy thức, chỉ trừ Mạt-na, phát công xảo. Ý thức thứ sáu duyên công xảo; năm thức và thức tám. Pháp sở hữu của tâm nhận lấy mười bốn; Biến hành; Biệt cảnh và bất định bốn. Bất tương ứng nhận lấy mười sáu, được phi đắc; bốn tướng và mười thứ sau”.

Thứ chín là năm uẩn vô ký biến hóa: Du-già quyển ba chép: “Biến hóa có hai”:

1- Thiện.

2- Vô ký.

Nói sắc cảnh định cũng chung cho vô lậu. Du-già quyển 53 chép: “Nếu y cứ vào định vượt hơn, đối với tất cả sắc đều được tự tại. Gia hạnh các định khiến hiện ở trước”.

Du-già quyển 98 chép: “Thần thông, không thể biến hóa bốn việc. Nghĩa là căn, v.v... do đây, chỉ có pháp xứ, sắc, thanh, hương, vị, xúc là năm tánh của sắc uẩn. Nếu vì lợi lạc, ấy là tánh thiện, thuộc về hai môn



đầu. Du-già dù nói ở cõi Dục cũng có các biến hóa, nhưng sự biến hóa này chung cho ba tánh, sinh đặc biến hóa chẳng phải quả thông”.

Thiết lập vô ký: Thuộc về dị thực sinh, uẩn biến hóa này có ba mươi lăm pháp, sắc uẩn nhận lấy năm trần, nhận lấy cả sắc pháp xứ; tâm pháp chỉ nhận lấy một, nghĩa là ý thức thứ sáu, pháp sở hữu tâm có mười hai, nghĩa là biến hành, biệt cảnh và tầm, từ trong bất định. Bất tương ứng hành có mười sáu phi đặc, bốn tướng và mười thứ sau. Năm uẩn vô ký của tự tánh thứ mười, có bốn mươi bảy pháp. Trong sắc uẩn có năm trần tức khí thể gian ngoại và nuôi nắng năm. Đã chẳng phải vô ký, cho nên gọi là tự tánh. Tâm pháp chỉ nhận lấy hai, nghĩa là hai thứ thức thứ sáu, bảy; pháp tâm sở có mười, nghĩa là biến hành, biệt cảnh, nhị thừa khởi pháp chấp, không chướng ngại quả kia, nên chẳng phải nhiễm ô, là tự tánh, vô ký. Bất tương ứng hành có mười sáu, so sánh với trước, nên biết. Y cứ vào Du-già quyển ba chép: “Vô ký có bốn, không có tự tánh này”; Duy thức cũng chép: “Vì pháp chấp không chướng ngại Nhị thừa, nên thuộc về dị thực sinh”. Y cứ Du-già quyển 66 chép: “Vô ký có năm: bốn thức đầu như trước đã nói, lại thêm vô ký tự tánh thứ năm. Nghĩa là các sắc căn nuôi lớn ấy, ngoài các xứ sắc, chẳng thuộc về dị thực, v.v... đều gọi là vô ký tự tánh, trừ thiện, nhiễm, xứ sắc, xứ tinh”.

Xét văn này chỉ nói sắc uẩn là tự tánh, tánh vô ký, không nói bốn uẩn chung cho tự tánh. Nay, giải thích bốn uẩn cũng chung cho tự tánh, như pháp chấp mà Nhị thừa đã khởi, là dị thực sinh, cũng gọi là tự tánh, nhưng dị thực sinh có hai thứ:

- 1- Nghiệp cảm.
- 2- Tùng sinh.

Cho nên thứ ba Bốn địa nói bốn vô ký đã gấm thâu hết tự tánh. Trong Du-già quyển 66, mở ra thứ năm; nghĩa là Tùng sinh, thể chẳng phải dị thực, lập làm tự tánh. Hai văn trước, sau đều chung cho tự tánh”.

Các sư thiếu phần này mà không luận, học trò sau này sẽ không có bằng cứ.

-----

## CHƯƠNG CỰC VI

Lược dùng ba môn để giải thích:

**I - Nói về duyên mắt:**

- 1- Mắt thịt: do nghiệp v.v... sinh.
- 2- Mắt trời: do tu phương tiện mà khởi.  
- Hai thứ này đều là nhãn căn sắc uẩn.
- 3- Mắt tuệ.
- 4- Mắt pháp.

Trong sáu thông dưới, sẽ phân biệt rộng. Du-già quyển 54 chép: “Trừ mắt thịt, mắt trời, công dụng của mắt khác, tất cả cực vi, làm cảnh sở hành, do mắt trời kia, chỉ nhận lấy hai phía trước, sau, trên, dưới, biểu trong nhóm sắc, hoặc sáng, hoặc tối, tất nhiên không thể nhận lấy xứ sở cực vi, do thể cực vi, vì nhờ tư duy phân tích mà kiến lập; mắt trời còn không thể, huống chi mắt thịt”.

**II- Giải thích sai trái, vạy hỏi:** Kinh Hoa Nghiêm chép: “Bồ-tát có thể biết được ngàn ấy vi trần hình thành cung điện vô sắc. Du-già quyển 54 chép: “Lược nói cực vi có mười lăm thứ: năm căn, năm trần, bốn đại và sắc Phật của pháp xứ”.

Giáo như thế, v.v... chỗ chỗ chẳng phải một, Cực vi không có, nghĩa đó làm sao thông suốt? Vì mặc dù không có thể tánh cực vi chân thật, nhưng nếu dùng tuệ để phân tích thì lượng cực vi kia cũng thành, nói là biết cực vi kia, vì như lượng đã bị phân tích?

Du-già quyển 54 chép: “Chẳng phải tập hợp cực vi thành, vì sắc thô”. Thành Duy thức chép: “Khi các thức biến chuyển, tùy thuộc lượng lớn, nhỏ hiện tức khắc một tướng, chẳng phải biến đổi riêng, mà là tạo ra rất nhiều cực vi hợp thành một vật thể”. Luận Du-già cũng nói: “Do các tụ sắc lúc mới sinh diệt đầu tiên, sinh toàn phần, về sau, lúc diệt, không đến cực vi, mà nửa chừng tận diệt, cũng như giọt nước”. Ở đây là nói rõ như chiếc búa nóng nấu nước, lúc tắt, nhỏ nhen, không đến bờ mé, vì các sắc hết ngay”.

Đọc dài đoạn văn trên, phiên dịch giải thích về cực vi này; các sắc diệt liền không đến cực vi mà là diệt tận ngay, không phải như giọt nước nhỏ bé đến biên tế. Các sắc diệt sau cùng cũng không đến bờ mé, không chỉ có cực vi chân thật có thể thấy, nên chỉ biết sự phân tích của tuệ. Lại, có rất nhỏ trong thể dụng, cái gọi là A-noa, đây gọi là cực vi, việc này có lỗi gì?

**III- Nói thẳng lợi:** Đã không có cực vi mà nói có là nghĩa gì?

Du-già quyển 54 chép: “Có năm thắng lợi, nghĩa là do phân tích một sắc nhóm họp, dùng phương tiện an lập đối với cảnh đối tượng duyên, ấy là có thể thanh tịnh tu tập rộng lớn. Lại, có thể trừ dần Tát-ca-da, kiến, dứt các kiêu hãnh, ngạo mạn, chế phục triền phiền não và có khả năng loại trừ nhanh chóng chấp các tướng”. Trong đây ý nói: “Tu quán pháp không, chủ yếu là phân tích các sắc, trước đến cực vi, dứt các phiền não, sau nhập vào không. Vì nghĩa vĩ đại này, nên nói là cực vi” có thể phân tích, tâm kia do người nào tạo tác? Thuộc về đế nào? Đều nên tư duy riêng”.

-----

## CHƯƠNG SẮC CỦA QUẢ ĐỊNH CAO HƠN

Lược dùng ba môn để phân biệt:

- 1- Phàm, Thánh khởi.
- 2- Cảnh nhiều, ít.
- 3- Đại chủng sinh.

1) **Phàm, Thánh khởi:** Có nghĩa là: “Sắc này chung cho phàm, Thánh khởi”. Du-già quyển 54 chép: “Tâm tự tại chuyển vận tánh sâu kín: nghĩa là các sắc của hai cõi Sắc, Vô Sắc”. Như Khế kinh nói: “Có tâm bình đẳng, trời từng huân tập tâm sáng trong như ngọc ở cõi người. Thuận theo sức tu này, dừng lại trên địa xứ, không lượng ở đâu một sợi lông, xoay vần không chướng ngại nhau”. Lại, A-hàm chép: Các vị trời cõi Vô Sắc, rơi lệ như mưa; đứng cạnh bên Phật”.

Những chứng cứ như thế v.v... đều có. Ở chỗ kia đã nói: “các tầng trời của hai cõi trên, hiện thân thông ở đây”. Lại, nói: “Sắc này cũng chung cho vô lậu, dẫn giáo như trước, nên biết được Phàm, Thánh đều có, có khả năng hiện khởi”. Hiền Dương chỉ nói: “Chư Phật, Bồ-tát y cứ vào đại oai đức vượt hơn con người để nói, há nhị thừa v.v... cũng không biến đổi, các tầng trời cõi Vô Sắc, cho rằng, rơi lệ như mưa? Du-già lại nói: “Dù chẳng phải xuất thế do định hiện hành, nhưng vì năng lực tăng thượng của định kia, nên có công năng hiện ra”.

Thuyết kia nói: “Bậc Thánh có trí thế gian, xuất thế gian, chẳng phải phân biệt phàm phu, vì không thể hiện khởi, nên biết được sắc này chắc chắn chung cho Phàm, Thánh”.

Có nghĩa nói: “Sắc này chẳng phải do phàm phu khởi”, Hiền Dương quyển 18 chép: “Trong mười hai tướng của sắc pháp xứ, chỉ nói do chư Phật, Bồ-tát, v.v... biến hiện”.

Du-già này lại nói: “Lìa chẳng phải do sự vận hành của định xuất thế, nhưng do năng lực tăng thượng của định kia, nên có một công năng hiện, tất cả bậc Thánh còn chẳng thể khởi, hướng chi các phàm phu”.

Du-già quyển 65 chép: “Chủ yếu là tâm định rất tĩnh lặng, đủ oai đức, mới có khả năng làm duyên sinh ra sắc định này, cũng chẳng phải không có tâm oai đức lớn và cảnh giới đối tượng duyên của tâm bất định, há loại phàm phu mà được oai đức, tâm định rất tĩnh lặng hiện khởi các sắc”. Lại nói: “Việc này không thể suy nghĩ bàn luận, vì nếu phàm phu khởi thì lẽ ra thuộc về suy nghĩ, bàn luận. Do đây, chỉ cho Thánh, không phải do phàm khởi”. Nhưng Du-già quyển 33 chép: “Thần thông của các bậc Thánh thuận theo sự đã biến hiệu; thuận theo

việc đã làm; thuận theo đối tượng thắng giải, tất cả đều có thể như thật thành xong, không có đối khác, có thể có công dụng, chẳng phải thần thông của bậc Thánh thì không thể như thế, cũng như trò ảo thuật chỉ có thể nhìn thấy, chứ không thọ dụng được, nên cách giải thích trước là hợp lý”.

2) *Cảnh nhiều ít*: Du-già quyển 53 chép: “Sắc của quả định vượt hơn, đối với tất cả sắc đều được tự tại”. Lại, luận Hiển Dương quyển tư chép: “Đầu tiên, Thắng xứ nói: “Hoặc hơn, hoặc kém, nghĩa là sắc thuộc về sắc, thính, hương, vị, xúc tịnh, bất tịnh, vì sự chứng thành của các giáo như thế v.v..., nên biết được sắc này hoặc giả, hoặc thật, hữu lậu, vô lậu, đều đủ năm cảnh”. Du-già quyển 89 chép: “Sự biến hóa không thể làm bốn việc, nghĩa là quả nghiệp, tâm, tâm sở và căn, nên tất cả pháp khác đều có thể biến hóa”.

Du-già quyển 64 chép: “Sắc của quả định, phải biết chỉ có tướng của hiển sắc, v.v... vì thiếu nhân tố sinh đối với hương, v.v... kia, và không có công dụng: “Đại ý lời nói này, chỉ rõ nhân gia hạnh trước của định phạm phu thua kém, nên chẳng thể biến hóa sắc, hương, vị, v.v... Dù cho lại biến hóa sắc, hương, vị, không có công dụng thật kia, thì không phải các bậc Thánh”. Lại, vì thế lực của định hữu lậu nhỏ hẹp, yếu kém, nên chỉ có thể biến khởi ba thứ sắc, tiếng, xúc; còn hương, vị thì không có, vì nhân gia hạnh trước, nên không thể biến khởi. Lập ra biến hóa không có công dụng, chẳng phải tâm vô lậu. Lại Nhị thừa chẳng thể biến khởi hai thứ hương, vị, chẳng phải các Bồ-tát. Lại, dùng cội Dục làm bản chất, nghĩa là có đủ năm cảnh, lấy sắc cội trên làm bản chất: không có hai thứ hương, vị; địa cội trên không có hạt giống, vì đã gởi hai thứ nhân. Lại, biến đổi cội Dục có năm thứ biến hóa cảnh giới cội Sắc, nhưng chỉ có ba, vì tùy thuộc có, không”. Dù cho nhờ biến hóa, hương vị kia cũng không có công dụng thật, vì bản chất chúng không có, nếu sắc của quả định không thay đổi hương, vị. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Tỷ căn của Bồ-tát nghe mùi hương của cung điện cội Vô Sắc. Kinh Pháp Hoa nói: “Vì trì tụng kinh này, nên ánh sáng, âm thanh thanh tịnh cùng khắp, cho đến Hữu đảnh. Mới sinh lui mất, nghe mùi hương, đều có thể biết, dị thực của cội kia, trước chẳng phải quả định thì đây là hương gì? Vì chẳng phải riêng biến hóa hương mà không biến hóa vị, nên biết quả định chung cho hương, vị”.

Luận Pháp Hoa chép: “Đây là cảnh trí, vì tỷ căn biết, nên các căn dùng lẫn nhau, không thể nói năng”. Du-già quyển 65 chép: “Sức định oai đức dù không tương ứng với tự tướng của mười xứ có sắc kia, nhưng

giống với tự tánh sắc kia, biểu hiện rõ; Năm căn như nhãn, v.v... đã không có công dụng lẫn nhau, hai pháp hương, vị, công dụng của chúng không có ba sắc, tiếng, và xúc có công dụng thật, nên căn là chỗ dựa của thức, căn của đối tượng biến hóa; thức không y chỉ, có thể không có công dụng thật; Hương, vị thì không như vậy, vì công dụng của chúng đâu không có hương vị, sắc, xúc, đồng với loại kia, giống như căn, chỉ thuộc về năm sắc, v.v... này, vì như đạo lý trước kia đã thành lập rộng; sắc của quả định, chắc chắn đủ năm cảnh, vì cõi Phật Hương Tích chắc chắn đủ năm”.

**3) Đại chủng sở tạo:** Du-già quyển 54 chép: “Sắc của quả định vượt hơn, nếu y cứ vào định hệ thuộc sắc này, thì tức là do đại chủng sở tạo hệ thuộc sắc này”. Lại, nói: “Vì năng lực định vượt hơn sắc này, nên trước khởi đại chủng, sau đó mới biến đổi khác sắc tạo mà sinh. Lại, nói sắc này không dựa vào đại chủng, nhưng từ duyên ảnh tượng của chủng loại sắc kia, vì tam-ma-địa phát, nên cũng nói là sở tạo của đại chủng sắc kia, chẳng phải dựa vào sắc kia sinh, nên gọi là Tạo”.

Du-già quyển 66 chép: “Hỏi: Thế Tôn nói: Có sắc không có kiến, không có đối, nên nói là đại chủng sở tạo nào? Nếu tâm định của người kia tư duy ảnh tượng các pháp có sắc của cõi Dục, sinh khởi, thì phải nói đại chủng sở tạo cõi Dục, tư duy đại tạo cõi sắc cũng vậy”.

Luận Hiển Dương quyển 18 chép: “Sắc của pháp xứ có mười hai tướng; tướng sắc thứ năm chẳng phải đại sinh thật, mặc dù văn của năm sắc này, tạo ra các thuyết khác lạ, nhưng hiện nay, rõ ràng nghĩa tạo không quá ba thứ, vì do đại chủng gần xa của đối tượng duyên kia chỉ có hai loại”.

1- Nghiệp, v.v... của xứ xúc đã sinh ra bốn đại chủng gốc, đại chủng này chung cho thân căn, thân thức, cảnh của thức thứ tám của câu ý.

2- Đại chủng của quả định pháp xứ, đây chỉ là cảnh thứ thứ tám của ý định, chung cho hoặc cảnh của năm thức, trước chung cho đẳng lưu dị thực, nuôi lớn; sau, chẳng phải dị thực. Trước chỉ thuộc về hai cõi Dục, Sắc, hoặc chung cho không hệ thuộc; sau, chung cho hệ thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc”.

Văn đầu tiên trong năm, y cứ ở đại tạo sau, tùy thuộc chủ thể duyên, vì thuộc về xứ định.

Nói hệ thuộc ở đây: là nghĩa nhiếp thuộc, chẳng phải nghĩa ràng buộc. Không như vậy, thì vô lậu lẽ ra chẳng phải đại tạo, vì tùy đối tượng nhiếp thuộc, vì đại chủng tạo trong Đẳng chí nào? Nghĩa văn thứ

hai trước kia, cũng đồng với ở đây, nghĩa là do định vượt hơn, trước biến chuyển đại chủng, sau sắc tạo sinh, tức tùy thuộc chủ thể duyên đại tạo của địa định, tùy thuộc nhân trước của định và có nghĩa nói: “Đại chủng kia, trước khởi thật vì cùng thời gian, nên đại chủng này chung cho tạo cảnh của ba thức, cũng thừa nhận năng lực định, trước khởi cảnh đại bản thức, v.v... của quả định; sau vì tạo ra sự sinh, nên hoặc văn này nói: “Y cứ vào đại tạo đầu tiên, nhất định trước sinh, khởi đại chủng của xứ xúc; sau, vì tạo ra sự sinh, nên văn thứ ba trước kia, y cứ vào đại tạo ban đầu, dù định cũng biến chuyển đại chủng sinh gần; cảnh sắc biến chuyển đầu tiên, chủ yếu nhờ ở xứ xúc, vì pháp xứ mới khởi, nên nói là đại chủng sở tạo của bản chất; vì đại chủng định yếu kém, nên không nói y cứ khởi, nhưng chẳng phải đại tạo gốc”. Ý của luận Hiển Dương nói: “Chẳng phải thật đại chủng của xứ xúc sinh gần, nói là chẳng phải đại tạo; chẳng phải trong định không có. Nếu đại chủng đầu tiên chung cho cảnh của ba thức, thì đại chủng đều có thể tạo ra sắc của quả định sau, nương tựa nhau mà có nghĩa thành tạo, là tạo thừa xa, chẳng phải tạo gần gũi. Nếu về sau, đại tạo chung cho cảnh của ba thức, thì đều có thể làm y chỉ khởi sắc tạo, nên là tạo gần, không phải tạo xa. Nếu dựa vào tạo đầu tiên, thì hoặc dùng đại chủng dưới có thể tạo sắc trên; hoặc dùng hữu lậu có thể tạo ra vô lậu; hoặc dùng xứ mình có thể tạo ra xứ của người. Nếu dựa vào tạo sau, thì chỉ tạo tự loại, chẳng phải người tạo, chỉ dùng hữu lậu để tạo ra hữu lậu, chỉ dùng vô lậu tạo ra vô lậu; chỉ dùng xứ mình, trở lại tạo ra xứ mình, đều chỉ cho loại của mình, tất cả chẳng phải người khác, dù có các xứ tạo lẫn nhau không đồng.

Y cứ về mặt lý, tìm tòi văn, không vượt qua hai văn này: “Có nghĩa nói: Đại tạo, một cách tổng quát, nên lập ba, cũng có đại tạo không dựa vào quả định của bản chất, được thành tạo, nên văn đầu tiên ở trước nói: “Tùy thuộc vào đại chủng tạo của định bị hệ thuộc: Đây là y cứ vào đại chủng sở tạo của xứ y, như dựa vào xứ này, khi nhập định kia, không nương tựa bản chất, trước, quyết định tâm trông mong, không biến đổi đại chủng; sắc sở tạo chẳng lẽ không có đại tạo? Tức tùy thuộc vật giường, tòa, v.v... đối tượng nương tựa, nên lẽ ra phải lập riêng xứ y chỉ thứ ba, dù không có gia hạnh, nhưng vì thuộc về lý, tức đại của xứ xúc, thế lực thần thông thuộc về đại chủng đầu tiên trong hai đại chủng, như Du-già quyển 62 nói: “Phương tiện của tu, đầu tiên khởi thân nào khác với sự tương duyên của cõi”.

Các nghĩa như thế v.v..., như chương riêng của Duy thức số có nói.

## CHƯƠNG THẬP NHÂN

Mười nhân lược dùng mười môn để phân biệt:

- 1- Nói về tên gọi.
- 2- Nêu ra thể chung, riêng.
- 3- Ba chủng, mười nhân, giải thích lẫn nhau về rộng, hẹp.
- 4- Nói về phước lập.
- 5- Y cứ vào mười lăm xứ để lập.
- 6- Nói được năm quả.
- 7- Với bốn duyên gồm thấu nhau.
- 8- Với hai nhân gồm thấu nhau.
- 9- Ba tánh.
- 10- Nhân hổ nói về cuộc hạn chung lẫn nhau.
- 11- Hỏi đáp phân biệt.

- **Thứ nhất, trong phần nói về tên gọi có hai:** Đầu tiên, là nêu tên, hai là giải thích tên gọi..

I/ Về nêu tên: Có làm bài tụng rằng:

*Tùy đối đãi sinh thọ.  
Phát định sự trái không?  
Nhiếp thọ, sáu y sinh.  
Khác đều một xứ khởi.*

Đầu tiên, là nêu tên gọi, có thể biết.

II/ Giải thích tên gọi: Y cứ trong mười nhân, gồm có ba loại:

- 1- Có ba thứ, chung cho trì nghiệp, y chủ.
- 2- Có một thứ, chỉ y chủ.
- 3- Có sáu thứ, chỉ trì nghiệp.

Nói ba thứ, nghĩa là tùy thuộc thuyết dẫn phát định khác. Nếu tùy thuộc là đối tượng tùy thuộc, như thấy, nghe, v.v... thì nói là chủ thể thuyết, tức là tùy thuộc nói về tên gọi.

Tùy thuộc nói nhân: Y chủ thích. Nếu tùy thuộc cũng là chủ thể tùy thuộc ấy, thì tức là cũng tùy thuộc, cũng nói về tên gọi.

Tùy thuộc thuyết: Trì nghiệp thích.

Nếu nói phát là tên quả, dẫn, là nhân, thì dẫn của phát, gọi là dẫn phát (y chủ thích).

Nếu phát cũng là nhân, thì vì vừa dẫn, vừa phát, nên gọi là dẫn phát: Trì nghiệp thích.

Nếu khác là quả, thì định: là nhân; định của khác, gọi là dị định:



Y chủ thích.

Nếu cả hai đều có nhân, vừa định, vừa khác, thì sẽ gọi là định khác: Trì nghiệp thích.

Nói một y chủ: Nghĩa là nhân đồng sự; sự là quả, đồng là nhân, đồng của sự, gọi là sự đồng (y chủ thích).

Tự sáu nhân còn lại, đều là trì nghiệp thích. Vừa quán, vừa đối đãi, cho đến không trái nhau, đều là trì nghiệp thích.

Nếu nói tùy thuộc nói nhân, v.v... thì mười thứ đều là trì nghiệp thích. Thuận theo nói tức nhân, cho đến vì không trái nhau, tức là nhân.

Hỏi: Trái nhau tức nhân: há diệt cũng có nhân sinh hay sao?

Đáp: Không đúng, chỉ làm nhân cho lá úa vàng, không làm nhân cho đã diệt màu xanh, v.v... tức là vì chủ thể trái với nhân, nên gọi là nhân trái nhau; quả trái nhau nghĩa là các lá úa vàng.

- **Thứ hai, trong phần nêu ra thể có hai:** Đầu tiên, là chung; sau là riêng. Nghĩa là vì pháp, nên có tướng, vì tướng nên có danh, vì danh mà khởi tánh ngữ, chủ thể giải thích, nói về các pháp, gọi là thuận theo nói nhân, dùng tiếng làm tánh. Nếu đối đãi với sở quán, thì sẽ có bốn câu: Năng, sở, thọ, tánh, tức là số thọ trong biến hành. Xúc, tướng, tác ý, tư, không có sự khác nhau của năm vị này, nên không phải. Xúc dù có công năng này, nhưng thọ ở đây, không phải là lãnh nạp, riêng gọi là tánh lãnh thọ. Nếu đối đãi với đối tượng thọ, có chủ thể thọ, thì tánh thọ chỉ cho số thọ. Trong đối tượng thọ lãnh, chung cho tất cả pháp.

Nếu đối đãi với chủ thể thọ, thì sẽ có đối tượng thọ: tức chủ thể thọ, chỉ cho tánh thọ; trong đối tượng thọ, chung cho hữu vi vô vi, vì pháp khác có chung.

Nếu đối tượng thọ, đối đãi với một thứ đối tượng thọ, nếu dùng chủ thể thọ đối đãi với chủ thể thọ ấy, thì cũng giống nhau.

Nhân dẫn dắt kia: Hạt giống xa, có công năng dẫn dắt đến quả, gọi là nhân dẫn dắt, tức dùng hạt giống trong, ngoài của ba tánh hữu lậu, vô lậu làm thể. Nếu hạt giống này làm thấm nhuần, thì đều làm tánh của nhân sinh khởi. Nếu duyên xa nhiếp thọ nhau, khiến cho quả được khởi, thì chỉ trừ thể pháp duyên xa của hạt giống, nhân dẫn dắt kia, nghĩa là hoặc chủng, hoặc hiện, ba tánh hữu lậu, vô lậu y chỉ nhau, đồng làm thể trong y chỉ, dẫn dắt. Nếu định khác với nhân, thì cũng sẽ dùng pháp, v.v... này làm thể. Cõi trước rộng, tánh hẹp; cõi sau hẹp, tánh rộng.

Đồng sự: Bắt đầu từ quán đối đãi, sau cùng đến định khác, đồng giải thích một quả, tức dùng pháp trước làm thể. Nếu nhân trái nhau, thì sẽ được có duyên trái làm tánh. Không mâu thuẫn nhau, nghĩa là đối với sinh, trụ, thành, được, đều không bị chướng ngại, tất cả pháp làm tánh.

Trong đây, là nêu ra thể chung.

Thứ hai, phát ra thể riêng, riêng có ba thứ mười nhân, đó gọi là thanh tịnh, tạp nhiễm, vô ký.

Vả lại, thanh tịnh: Dùng tiếng lành vô lậu, vì thuận theo nói thể của nhân; quán nhân đối đãi, tức dùng tánh thọ trong vị thanh tịnh làm thể, tất cả hạt giống làm hai thể sinh khởi, cái thấy vô lậu, thuộc về tướng sở, y xứ làm thể, hạt giống, hiện hành vô lậu kia là thể của nhân dẫn phát. Nếu hạt giống vô lậu và hiện hành làm thể của nhân khác với định, thì sẽ bắt đầu từ thanh tịnh, quán đối đãi, sau cùng, đến nhân khác với định, đều dùng pháp này làm thể của nhân đồng sự của các pháp tạp nhiễm, pháp thanh tịnh, trái nhau trong sự sinh, trụ, thành, đắc, chẳng chướng ngại nhau.

Pháp vô lậu, nghĩa là làm thể của nhân không trái nhau.

Mười nhân của tạp nhiễm thứ hai: Nếu tiếng Tát-bà-đa chung cho ba tánh, do tánh nghiệp này tức là tiếng tông của Đại thừa chỉ vô ký, vì do quả báo này. Nếu y cứ vào tánh nghiệp biểu, giả gọi là thiện, ác, tức dùng âm thanh bất thiện này làm tánh.

Quán nhân đối đãi: Đối đãi khổ thọ, có lạc thọ; hoặc đối đãi với ác tri thức, đối với đối tượng thọ đối đãi này, có chủ thể thọ.

Bảy chi vô minh, v.v... gọi là nhân lôi kéo, dẫn dắt; ái thủ có ba chi, gọi là nhân sinh khởi, do nhiếp thọ nhau xa, đối với căn, cảnh, gọi là nhân nhiếp thọ. Cõi dưới dẫn ba phẩm trên sinh nhau; hoặc hạt giống, hoặc hiện hành, làm thể của nhân dẫn phát.

Định khác với nhân: hay chiêu cảm đắc quả của cõi v.v... của mình làm thể, đầu tiên, là từ quán đối đãi, sau cùng cho đến khác với định, đều có đắc quả chung, gọi là nhân đồng sự. Nếu pháp vô lậu, v.v... là nhà trái nhau pháp tạp nhiễm thì sẽ không chướng ngại nhau ở trong sinh đắc thành, trụ, tức gọi là nhân không trái nhau.

**- Thứ ba, là mười nhân vô ký:** Tiếng vô ký là tùy thuộc nói là tánh nhân. Nếu nhận lấy lúa mì, v.v... bên ngoài là pháp vô ký, chỉ có Y chủ thích, cũng là trì nghiệp thích.

Tiếp đãi đủ có qua lại, v.v... gọi là nhân quán đối đãi của pháp vô ký. Hạt giống lúa, v.v... chưa thấm nhuần về trước, gọi là nhân dẫn dắt;

nếu đã thấm nhuần trở đi thì gọi nhân sinh khởi. Nước, đất, nhân công, v.v... giúp đỡ với nhau, gọi là nhân nhiếp thọ. Dựa vào giống sinh cọng, v.v... trở đi, gọi là nhân dẫn phát. Nếu lúa mì chắc chắn sinh lúa mì, không sinh đậu, v.v... thì gọi là khác với định, bắt đầu từ quán đối đãi, sau cùng đến khác với định, đồng chiêm cảm quả của một việc, gọi là nhân đồng sự. Sương v.v... kia là nhân trái với lúa. Không chướng ngại nhau đối với sinh, trụ, v.v... gọi là nhân không trái nhau.

Ba tánh thứ ba, giải thích lẫn nhau về nhân, quả, rộng, hẹp. Trong mười nhân, lại thanh tịnh: Nếu thuận theo thanh tịnh nói nhân, thì thể của nhân chung cho ba tánh hữu lậu, vô lậu, hữu vi. Quả kia chỉ cho vô lậu, hữu vi, tánh thiện vô vi. Nếu pháp thanh tịnh, tức thuận theo nói nhân. Thể của nhân chỉ hữu vi, tánh thiện vô lậu. Quả chung cho tất cả pháp. Quán nhân đối đãi: Nếu quán nhân đối đãi của pháp thanh tịnh, thì thể của nhân sẽ chung cho ba tánh hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi. Quả chỉ có vô lậu, chung cho hữu vi, vô vi, chỉ có tánh thiện.

Nếu thanh tịnh thiện, tức quán nhân đối đãi, thể của nhân chung cả hữu vi, vô vi, chỉ có vô lậu, nhất định là tánh thiện. Pháp quả chung cho ba tánh; hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, trong đó có bốn câu:

1- Nếu đối đãi với đối tượng thọ, thì sẽ có đối tượng thọ: Nghĩa là như đối đãi với lý trước kia, sẽ có lý sau khởi tánh nhân quả, v.v...

2- Nếu đối đãi với chủ thể thọ, thì sẽ có chủ thể thọ: nghĩa là như đối đãi với Kiến đạo, có tu đạo: tánh nhân quả đồng.

3- Nếu đối đãi với đối tượng thọ, thì sẽ có chủ thể thọ: Nghĩa là như duyên lý chân như; tánh nhân quả, v.v... Nhân chỉ có vô vi.

4- Nếu đối đãi với chủ thể thọ, thì sẽ có đối tượng thọ, y cứ vào hiện hành để thấy, mới được lý này. Nhân là hữu vi, quả đều vô vi, ngoài ra đều đồng.

Nói dẫn dắt sinh khởi hai nhân: Nghĩa là chỉ được pháp thanh tịnh, tức nhân dẫn dắt, nhân sinh khởi, tánh nhân quả v.v... chỉ cho tướng hữu vi, không có vô vi; chỉ có vô lậu, chỉ có tánh thiện, không có bất thiện và vô ký.

Nếu y cứ hữu vi, vô lậu, thì hy vọng xa, gồm thâu quả vô vi. Quả kia đã xa là xa, nhân này gần không nhận lấy.

Nhân nhiếp thọ: Nếu nhân nhiếp thọ của thanh tịnh, thể của nhân chung cho hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, có ba tánh. Thể của quả chỉ vô lậu, chẳng phải hữu lậu; có chung vô vi, chỉ có tánh thiện. Nếu thanh tịnh, tức là nhân nhiếp thọ, thể của nhân chung cho hữu vi, vô vi, chỉ có vô lậu, chỉ có tánh thiện. Tánh quả chỉ có vô lậu, chung cho hữu vi,

vô vi, chỉ có tánh thiện. Nếu y cứ vào trí bình đẳng, dẫn khởi Mạt-na ô nhiễm thì đâu trở ngại pháp quả cũng chung cho hữu lậu, có ba tánh? nhưng nói nhân dẫn phát: Nếu nhân dẫn phát của pháp thanh tịnh. Thể của nhân hữu lậu, vô lậu, chỉ có hữu vi, chỉ có tánh thiện. Dùng giải thích để nói, đồng loại với phẩm vượt hơn, vì trích dẫn. Đã nói đối với phẩm vượt hơn, cũng được làm nhân, đâu có trở ngại ba tánh đều có chủ thể dẫn. Pháp quả chỉ có vô lậu; có chung định vô vi, chỉ có tánh thiện. Nếu pháp thanh tịnh, tức là nhân dẫn phát. Nhân chỉ có hữu vi, tánh thiện vô lậu; quả chỉ có vô lậu; quả chung cho hữu vi vô vi; hữu lậu, vô lậu, chỉ có tánh thiện.

Nói định khác với nhân: Nếu pháp thanh tịnh, thì định khác với nhân, nhân chỉ có hữu vi, tánh thiện vô lậu; quả chung cho hữu vi, vô vi, v.v... Nếu định của pháp thanh tịnh khác với nhân; nhân chỉ có hữu vi; quả là vô vi, nhân đồng sự: Nếu nhân của sự thì đồng với pháp thanh tịnh. Thể của nhân chung cả ba tánh, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu. Pháp quả chỉ có vô lậu, chung cho hữu vi vô vi, chỉ là tánh thiện. Nếu pháp thanh tịnh, tức nhân đồng sự; thể của nhân chỉ có vô lậu, chung cho hữu vi vô vi, chỉ cho tánh thiện; pháp quả chỉ có vô lậu, chung cho hữu vi vô vi, chỉ là tánh thiện.

Nếu có thể đồng giải thích về tướng, sẽ được Mạt-na thức khởi, thì pháp quả đâu có trở ngại, chung cho ba tánh.

Nói nhân trái nhau, chỉ được có nhân trái nhau của thanh tịnh, không được có trí nghiệp, vì thể của nhân chung cho hai tánh: bất thiện, hữu phú vô ký.

Nếu nói một cách tổng quát, thì đâu ngại gì cũng chung cho ba tánh ư? Chỉ có hữu vi, không có vô vi, chỉ có tánh hữu lậu, pháp quả chung cho hữu vi, vô vi, vì chỉ có vô lậu, chỉ có tánh thiện.

Nói nhân không trái nhau, nếu nhân không trái nhau của thanh tịnh thì nhân rộng, quả hẹp. Nếu là pháp thanh tịnh, tức nhân không trái nhau; thì nhân hẹp, quả rộng, so sánh với cách giải thích ở trước.

Thứ hai là mười nhân tạp nhiễm: Nếu y cứ vào nghĩa thật, thì chỉ được có nhân thuận theo nói pháp tạp nhiễm. Vì sao? Vì tiếng trong Đại thừa chẳng phải là tánh thiện, ác. Nếu vì từ biểu, nên giả được chung cho tánh thiện, ác. Do đạo lý này, cũng có hai cách giải thích.

1- Nếu là nhân thuận theo thuyết của pháp tạp nhiễm, thì thể của nhân chung cho ba tánh hữu lậu, vô lậu chỉ có hữu vi; pháp quả chung cho tất cả đều được.

2- Nếu tạp nhiễm, tức nhân tùy thuận thuyết: Thể của nhân đi

suốt qua ba tánh, chỉ hữu lậu, chỉ hữu vi; pháp quả chung cho tất cả.

Nếu y cứ vào nghĩa lần lượt cũng được duyên chân như, nên nhân quán đối đãi: Nếu nhân quán của đối đãi với pháp tạp nhiễm, thì thể của nhân chung cho cả ba tánh, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi; thể của quả chung cho ba tánh, chỉ có hữu lậu, chỉ có hữu vi.

Nếu tạp nhiễm, tức nhân của quán đối đãi, thì thể của nhân chung cho ba tánh, chỉ có hữu lậu, chỉ có hữu vi, thể của quả đều chung cho tất cả.

Đây là nói chung; nếu nói riêng, thì sẽ có bốn câu:

1- Nếu đối đãi với đối tượng thọ, thì sẽ có thể của nhân chủ thể thọ, chung cho tất cả; pháp quả chỉ có hữu vi, hữu lậu, chung cho cả ba tánh.

2- Nếu đối đãi với chủ thể thọ, thì sẽ có đối tượng thọ; thể của nhân sẽ chung cho cả ba tánh, chỉ có hữu lậu, hữu vi; pháp quả chung cho tất cả.

3- Nếu cho rằng chủ thể thọ đối đãi với chủ thể thọ, thì tánh của nhân quả đồng, trong đó, có riêng, như lý nên tư duy. Trong Đại thừa đã không có sắc, v.v... bất thiện, thì không có đối tượng thọ đối đãi với đối tượng thọ.

4- Nếu y cứ vào nghiệp biểu, thì sẽ bắt đầu từ xương bàn chân, xương mắt cá chân v.v..., tánh nhân, quả chung. Về mặt lý đâu có lỗi.

Hai nhân sinh khởi dẫn dắt kia, đều là trì nghiệp, vì tánh nhân quả là đồng.

Nếu căn cứ sở nghiệp năng dẫn năm quả như thức, v.v... khởi, thì sẽ có một ít nhân dẫn dắt của pháp tạp nhiễm. Thể của nhân chung cho hai tánh, chỉ có hữu vi, quả hữu lậu, chỉ có vô ký, chỉ có hữu lậu, hữu vi.

Nói nhân nhiếp thọ: Nếu nhân của thọ thuộc về pháp tạp nhiễm, thì thể của nhân sẽ chung cho ba tánh, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu; tánh pháp quả đồng với trước.

Nếu pháp tạp nhiễm tức nhiếp thọ, thì thể của nhân sẽ chung cho ba tánh, chỉ có hữu lậu, hữu vi; tánh của quả chung cho tất cả.

Nói dẫn phát: Nếu là nhân dẫn phát của pháp tạp nhiễm thì thể của nhân sẽ chung cho ba tánh, chỉ có hữu lậu, hữu vi; không có vô vi, tánh của quả đồng với trước, cũng có thể không có cách giải thích này.

Nếu pháp tạp nhiễm tức nhân dẫn phát, thì thể của nhân sẽ chung cho ba tánh, hữu lậu, vô lậu chỉ có hữu vi.

Nếu y cứ vào nhân pháp lành hữu lậu, đoạn, chứng quả ly hệ, thì

đâu có trở ngại pháp quả chung cho vô vi?

Nói định khác với nhân: Nếu định của pháp tạp nhiễm khác với nhân, thì cần phải phân biệt. Nếu y cứ vào vô ký làm quả thì pháp quả chỉ có vô ký, chỉ có hữu vi, hữu lậu. Thể của nhân sẽ chung cho hai tánh thiện, ác, chỉ có hữu vi, hữu lậu.

Nếu ba tánh làm quả, thì pháp tạp nhiễm tức định khác nhân; nhân quả đều chung cho ba tánh, chỉ có hữu vi, hữu lậu.

Nói nhân đồng sự: Nếu nhân đồng sự với pháp tạp nhiễm, thể của nhân sẽ chung cho ba tánh, hữu vi vô vi; hữu lậu vô lậu; pháp quả chung cho ba tánh, chỉ có hữu vi, hữu lậu.

Nếu tạp nhiễm, tức nhân đồng sự, thì thể của nhân hẹp, tánh của quả rộng.

Nói nhân trái nhau, chỉ được có nhân mâu thuẫn của tạp nhiễm, thể của nhân sẽ chung cho hữu vi, vô vi; chỉ có vô lậu, chỉ có tánh thiện, quả kia tức hẹp.

Nói không trái nhau: Nếu trì nghiệp thích, thì thể của nhân hẹp, thể của quả chung cho tất cả. Nên y chỉ thích thì quả hẹp, nhân rộng.

Thứ ba là mười nhân của pháp vô ký: Nếu nhận lấy pháp ngoài, gọi là pháp vô ký, thì chỉ được có nhân thuận theo mà nói của vô ký, thể của nhân có thể chung cho ba tánh, vì biểu trong nhân, nên trên quả rõ ràng, thật sự vô ký cực thành. Nhân chung cho hữu lậu, vô lậu, chỉ có hữu vi. Thể của quả chỉ có vô ký, chỉ có hữu lậu, hữu vi.

Nói vô ký tức nhân: Nếu y cứ vào tánh của âm thanh trong là vô ký, thì sẽ gọi là nhân của thuận theo nói: Tức có pháp vô ký, tức thuận theo nhân, thể của nhân chỉ có vô ký, chỉ có hữu lậu, chỉ có quả hữu vi, chung cho tất cả.

Nếu tiếng gió v.v... là chủ thể giải thích, thì đâu có ngại pháp ngoài có tức nhân?

Nói quán đối đãi: Ở trong đó có bốn luận chứng:

1- Nếu đối tượng thọ đối đãi với đối tượng thọ: Tức đối tượng đối đãi là nhân; chủ thể gìn giữ là quả. Tánh, v.v... nhân quả dùng nhân để làm sáng tỏ hình, đối đãi với nước, v.v... vì hình, v.v... là nhân quả.

Nếu chủ thể thọ lãnh đối đãi với chủ thể thọ lãnh thì sẽ là tánh nhân quả, v.v..., vì tánh cũng đồng, nên dùng số đều có thọ lãnh làm nhân đối đãi.

Nếu y cứ vào nghĩa này, thì pháp ngoài sẽ không có câu này.

Nếu y cứ vào đối đãi với đối tượng thọ có chủ thể thọ ấy, thì đối tượng thọ là nhân, là pháp vô ký, tức thể của nhân, chỉ cho vô ký, chỉ

cho hữu vi, hữu lậu. Tánh quả chung cho ba tánh, chỉ có hữu vi, không phải vô vi, có chung vô lậu, chỉ số xúc, thọ của tâm, tâm sở pháp.

Nếu đối đãi với chủ thể thọ có đối tượng thọ, thì hữu vi, thể của nhân sẽ chung cho hữu lậu, vô lậu, có ba tánh, tánh của quả chỉ có vô ký, chỉ có hữu lậu, hữu vi, chỉ có sắc pháp.

Nếu nhân quán đối đãi của vô ký, thì thể của nhân rộng, tánh của quả hẹp.

Nếu vô ký, tức quán đối đãi ấy, thì tánh nhân hẹp, tánh quả rộng.

Sự dẫn dắt của nghiệp kia sinh khởi hai nhân, chỉ được có pháp vô ký, tức nhân, vì lấy hạt giống lúa mì giả ngoài.

Nói nhân nhiếp thọ: Nếu nhân nhiếp thọ của pháp vô ký, thì chỉ sẽ có hai ý: Nghĩa là: tác dụng, sử dụng. Nhân chung cho ba tánh, chỉ cho hữu vi, hữu lậu, quả chỉ có vô ký, chỉ có hữu vi, hữu lậu.

Nếu pháp vô ký, tức nhân nhiếp thọ: Tánh nhân quả đồng. Nhân dẫn phát: Chỉ có pháp vô ký, tức nhân dẫn phát, tánh nhân quả đồng.

Nói định khác với nhân: Cũng chỉ có pháp vô ký, tức định khác với thể, v.v... của nhân quả.

Nói nhân đồng sự: Nếu là nhân đồng sự của pháp vô ký, thì nhân rộng, quả hẹp, y theo trước, có thể hiểu. Nếu pháp vô ký tức nhân đồng sự, thì nhân hẹp, quả rộng.

Nói nhân trái nhau: Chỉ có nhân trái nhau của vô ký, tánh nhân quả đồng.

Nếu y cứ ở tuyệt v.v... là vô ký ngoài, thì đâu ngại gì cũng có pháp vô ký tức nhân trái nhau, thể của nhân, quả v.v...

Nói nhân không trái nhau: Nếu nhân không trái nhau của vô ký, thì thể của nhân sẽ chung cho tất cả; quả chỉ có rất hẹp.

Nếu vô ký tức nhân trái nhau thì tánh nhân quả sẽ bằng nhau.

**- Thứ tư, là phế, lập:**

Hỏi: Vì sao gọi là mười nhân?

Đáp: Lược có sáu khác nhau.

Nghĩa của năm quả.

Lược dùng mười môn để phân biệt:

1- Nêu ra thể.

2- Giải thích tên gọi.

3- Phế lập.

4- Mười nhân, hai nhân được.

5- Bốn duyên được.

6- Mười lăm y xứ đắc.

7- Nhân, quả Ba thừa có bao nhiêu?

8- Phân biệt hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu.

9- Phân biệt hoặc do kiến đoạn, v.v..

10- Phân biệt hỏi đáp.

3- Bỏ lập: Quả là nghĩa thành xong, chủ yếu có pháp là đúng; không có pháp là sai, bị sự chế phục của nhân có hai thứ quả:

1- Quả vô vi.

2- Quả hữu vi.

Quả vô vi, gọi là quả ly hệ (lìa trói buộc). Quả hữu vi, gọi là quả tăng thượng; vì vô vi không có nhiều sự khác nhau, lại vì không phân biệt hữu vi có khác nhau. Lại nữa, lẽ ra phải kiến lập có nhân không chướng ngại với oai thế mà được, nghĩa là chỉ được gọi là tăng thượng, có nhân nhận lấy vượt hơn cho mà được: Trong đó có nhân sở đắc của người giả chung, gọi là quả sĩ dụng; sở đắc của pháp khác, cũng được quả sĩ dụng, nghĩa là lấy cái riêng từ tương tự chung đặt tên, ở giữa, y cứ chung, lập sở đắc (đối tượng chứng đắc) của pháp riêng.

Lại nữa, có hai loại:

1- Tánh đồng.

2- Tánh khác.

Tánh khác gọi là quả dị thực, tánh đồng gọi là quả đẳng lưu. Quả vô vi, chủ yếu phải dứt trừ sở đắc của phiền não, vì vượt hơn. Quả phi trạch diệt khác, sở đắc, v.v... của sáu hạnh, chỉ có quả tăng thượng. Nếu chẳng phải chiêu cảm vượt hơn, thì chỉ gọi là tăng thượng; vượt hơn, gọi là sĩ dụng, v.v...

Cho nên, năm quả không thêm, không bớt. Lại, biểu thị rõ loại nhân có rất nhiều, có thể chia làm mười thứ. Quả nhiều khó chế phục hợp, lập năm quả. Đây là y cứ vào Thánh giáo, không có nói tăng thượng và quả sĩ dụng, vì chung cho xứ vô vi, nên tạo ra cách giải thích này. Lại, giải thích (hiểu) sở đắc của nhân không vượt qua pháp hữu, nghĩa là hữu vi vô vi; vô vi không có phân biệt nhiều, vì chỉ có một tánh, nên lập một quả, gọi là quả ly hệ. Các pháp hữu vi có nhiều khác nhau, ba tánh không đồng. Sở đắc của tánh đồng kia, gọi quả đẳng lưu; sở đắc của tánh khác, gọi quả dị thực; trong đắc của tánh đồng. Nhưng vì y cứ vào quả được dẫn dắt bởi năng lực vượt hơn, gọi là quả đẳng lưu, nên phẩm và phẩm đồng, hai phẩm vượt hơn đều làm nhân, không phải là nhân thua kém, mà là thể của nhân trong tánh khác cao quý, tướng



quả biểu hiện rõ, gọi là dị thực, nên tánh vô ký đối với pháp thiện, ác; Trong pháp thiện, ác, tự đối lẫn nhau, đều chẳng phải quả này, vì thể của nhân chẳng phải vượt hơn, quả không biểu hiện rõ ràng, vì không có tướng khác lạ, khiến có thể biết, nên không lập làm quả, là gồm thấu quả chung, nhưng Duy thức quyển 2 chép: “Tập khí có hai”:

1- Đăng lưu.

2- Dị thực.

Vì gồm thấu chung tất cả tâm hữu lậu, nên biểu thị rõ vô vi không có riêng, hữu vi có riêng, lập một, hai quả. Nhưng thuyết trên đã nói: “Tức là quả riêng của vô vi, hữu vi. Hai pháp này đều có sức gần, sức xa, sức hơn, sức kém thua, sức gần gũi, sức xa, sức nuôi nấng, giúp đỡ; sức không chướng ngại có trong vô vi. Nếu là sở đắc của sức giúp đỡ, nuôi nấng, gần gũi, trội hơn, gần, thì lập làm quả sĩ dụng. Nếu là sở đắc của sức không chướng ngại xa kém, thì gọi quả tăng thượng. Hai pháp này tức là quả chung của hai pháp hữu vi, vô vi, đều y cứ vào pháp riêng, được gọi là Sĩ dụng. Quả này chung cho bốn pháp làm thể. Câu sinh, vô gián, cách nhau bất sinh.

Quả câu sinh: Tức vì pháp đồng thời, nên Thành Duy thức, quyển hai chép: “Hạt giống sinh hiện, như nhân Câu hữu, được quả Sĩ dụng”. Hoặc quyển 7 chép: “Tất cả pháp có được quả Sĩ dụng, quả Vô gián: Tiếp theo, vì pháp sinh sau, nên Thành Duy Thức quyển 7 chép: “Tất cả chủng, được quả Sĩ dụng, vì gọi Sĩ dụng trong quả Đăng lưu”.

Duy thức quyển 8 chép: “Nhân dẫn phát, v.v... được quả Sĩ dụng. Quả cách việt là giả, vì giống mùa xuân, sẽ được quả vào mùa thu, nên hầu hết các luận đều nói quả này là Sĩ dụng, hoặc quả dị thực cũng là Cách việt.

Duy thức quyển 7 chép: “Vì ở quả dị thực, lập sĩ dụng”. Lại, Duy thức quyển 8 chép: “Dẫn dắt sinh khởi, được quả sĩ dụng. Quả bất sinh: Nghĩa là chân kiến y, xứ đa được Sĩ dụng, nên Duy Thức chép: “Nhân Nhiếp thọ được quả sĩ dụng, dù hai thứ: Y, xứ tác dụng của sĩ dụng, là gồm thấu nhân này, đã dẫn phát, v.v... sẽ được Sĩ dụng.

Há ngăn chận chân kiến được sĩ dụng ư?, nên biết được pháp riêng cũng có Sĩ dụng. Quả sĩ dụng cũng chung cho bốn thứ. Do đây, năm quả không thêm, không bớt.

Duy thức quyển 65 chép: “Về nghĩa năm quả, có một chút tốt đẹp, không đồng với quả khác, cần phải xem xét”.

Pháp xứ sắc Nghĩa Lâm.

Dùng năm môn để phân biệt:

- 1- Khai, hợp, phé, lập.
- 2- Nói về thể tánh.
- 3- Giải thích tên gọi.
- 4- Phân biệt giả, thật.
- 5- Ảnh chất có, không.

1- *Khai, hợp, phé, lập*: Luận Bách pháp gồm có 1: Nghĩa là sắc thuộc về pháp xứ. Luận Ngũ Uẩn nói sắc pháp xứ có hai: 1- Vô biểu; 2- Quả định.

Du-già quyển ba nói cũng đồng với luận Ngũ Uẩn kia”. Hiển Dương quyển một nói có ba thứ:

- (1) Luật nghi.
- (2) Bất luật nghi.
- (3) Định tự tại.

Hiển Dương quyển 54 phần đầu nói có ba, đồng với quyển thứ nhất này. Lại, trong luận Hiển Dương kia, nói rộng, cực vi chỉ Giác tuệ phân tích.

Nếu chẳng phải xứ pháp thì thuộc về xứ nào?

Do xứ pháp này cũng lập bốn thứ, luận Đối pháp nói năm, như văn tự nêu, Hiển Dương quyển 18 chép: “Sắc pháp xứ có mười hai tướng”

- (1) Ảnh tượng.
- (2) Việc làm đã thành tựu.
- (3) Không có kiến.
- (4) Không có đối.
- (5) Chẳng phải thật đại sinh.
- (6) Tướng của tâm hệ thuộc.
- (7) Thế gian.
- (8) Không suy nghĩ, bàn luận.
- (9) Quả định của thế gian.
- (10) Quả định của xuất thế gian.
- (11) Cảnh địa của mình, người.
- (12) Chư Phật, Bồ-tát tự tại chuyển biến.

Bách pháp: Nói một, nghĩa là vì xứ, lại nói: “Năm uẩn, luận Du-già đều nói hai, nghĩa là thể của cực lược, cực hoánh, tức cực vi. Phân tích sắc thật thô, chia thành hai sắc này; do giả từ thật; do tế từ thô, nên đối với các pháp xứ, lại không nói riêng biến kế sở khởi không hiểu rõ ý thức sáng suốt, duyên riêng lẽ căn, cảnh, do lờ mờ sinh ra; huân tập hạt giống làm nhân, sau sinh căn, cảnh. Do nhân từ quả, do ảnh từ chất, cũng đối với pháp xứ không nói riêng. Các sắc vô biểu, đồng loại

ẩn nhau, tổng hợp kiến lập, gọi là một vô biểu. Quả tự tại của định, dù chung cho giả thật, đều do định sinh, cũng vì tổng hợp soạn ra. Luận Ngũ Uẩn, v.v... nói: “hai không phải nhiều”.

Hiển Dương quyển một, Du-già, Quyết Trạch đều nói ba, nghĩa là các sắc vô biểu giống nhau dù đồng, nhưng thiện, ác khác nhau, chia thành hai thứ: Thiện, gọi là luật nghi; bất thiện, gọi là bất luật nghi, vô biểu trong xứ; hoặc không có không lập; hoặc có loại kia, lại không mở rộng riêng, không nói pháp khác; so sánh với trước nên nói: “Hiển Dương, v.v... chỉ nói có ba”.

Nói có bốn: Nghĩa là biến kế đã khởi, có thể có ba chất, tùy thuộc chất, từ quả, pháp xứ không lập, vì cực vi không có chất, nên lập riêng, vì loại cực hoánh đồng, nên không mở rộng.

Nói năm ở đây: Các sắc, đối tượng duyên của ý độc đầu, khác với chất dụng, vì đối căn, nên thuộc về pháp xứ. Bản chất của các hữu đều gọi là ảnh tượng, gọi là biến kế sở khởi. Tuệ khéo phân tích biến kế này có hai loại:

- 1- Làm lẫn nhau.
- 2- Phá một.

Chỉ vì đối tượng quán: Cực lược, cực hoánh, giả, thật, đối tượng duyên của tâm vô lậu, đều gọi là định sinh, nên chia thành năm. Hiển Dương quyển 18 nói có mười hai, chỉ nói quả định, hoặc giả, hoặc thật, các tướng đều khác nhau đối với loại khác, lại không nói khác”.

Mười hai thứ tướng đều là nghĩa khác nhau của quả định vượt hơn, không phải môn lý cùng tận. Về lý, pháp xứ thật chỉ lập ba thứ:

- 1- Ảnh tượng. Cực vi các hữu và tấn ý riêng, vẽ thành căn, cảnh bóng trong gương, hình tượng, vầng trăng, sông nước, các loại như thế đều đồng, không có thật, vì chúng là ảnh của tâm. Đồng lập một môn.
- 2- Nghĩa là vô biểu. Hoặc định, hoặc tán, hoặc thiện, hoặc bất thiện, các pháp này đều không thể biểu thị cho người khác, nên tướng, dụng đã bằng nhau, đồng lập một môn.

3- Quả định, hữu lậu, vô lậu, hoặc giả, hoặc thật đều do định khởi, đồng lập một môn, nên luận Ngũ Uẩn v.v... nói là hai thứ sau. Nếu sắc cực vi thì lấy giả từ thật, dùng tế từ thô; nếu sắc biến kế thì lấy nhân từ quả, lấy ảnh từ chất, không lập riêng sắc ảnh tượng ấy, lẽ ra cũng vô biểu lấy giả từ thật, chẳng phải sắc từ sắc, chẳng nói riêng, chỉ nói quả định. Kia đã không như vậy, thì ở đây làm sao như vậy? Nên lẽ ra phải nói ba, không thể thêm, bớt. Tuy nhiên, nay luận này nói có năm ấy, lại tâm hữu lậu, riêng sinh ý tán, duyên chung căn cảnh: trăng đáy nước,

bóng trong gương. Các thứ này đều thô; phân tích các căn, cảnh, đến phần vị cực vi, thì chẳng phải thô mà tế, nên cho dù đồng ảnh tượng, nhưng thô, tế hoàn toàn khác nhau. Vì ý giác chấp tâm, chủ thể duyên, cũng là riêng, nên lia biến kế, lập cực vi riêng.

Trong sắc có đối, lược có hai loại:

1- Chỉ bị trở ngại (đối tượng trở ngại), không thể gây trở ngại cho người khác, tức sắc hoánh, ánh sáng, v.v... trong xứ sắc, vì ba thứ dưới sẽ nói không phải chủ thể trở ngại.

2- Chủ thể gây trở ngại cho người, cũng là đối tượng trở ngại, ngoại trừ sắc hoánh, v.v... các sắc có đối, thứ ba ở dưới sẽ nói: “Vì có công năng trở ngại lẫn nhau”.

Do sắc thô của hai loại này, vì phân tích đến rất nhỏ nhiệm, cũng vẫn khác nhau; bề vụn (phân tích) đối tượng chướng ngại ở trước, cho đến cực vi, gọi là sắc cực hoánh; phân tích sau cùng, đều có trở ngại, cho đến cực vi, gọi sắc cực lược. Do loại này, phân biệt phần tế có hai thứ. Hai môn ảnh hiện cảnh, tâm có khác, tùy thuộc thích ứng, thô tế, chia, hợp cũng khác nhau; sắc thô dễ biết; đều gọi là ảnh tượng; sắc tế khó hiểu, mở riêng hai môn, nên luận nói có năm, không thể thêm, bớt.

Xem xét sâu sắc các văn, thích hợp với lý sâu kín:

2- *Nói về thể tánh:*

(1) Sắc cực lược: Luận này tự nói cực vi là thể, tức năm sắc căn, trừ sắc hoánh, v.v... cảnh của năm sắc khác và sắc thật pháp xứ của bốn đại chủng, lấy cực vi làm tánh.

Luận Hiển Dương quyển 5, luận Du-già quyển 54 nói: “Kiến lập cực vi có mười lăm thứ, nghĩa là căn mắt, v.v... là năm cực vi; cảnh sắc v.v... năm cực vi; bốn đại chủng, bốn cực vi, sắc thật pháp xứ có một cực vi, nên mười lăm thứ này là tánh sắc cực lược”.

(2) Sắc cực hoánh: Luận tự nói: “Tức sắc này lia sắc xúc chạm, trở ngại khác, dùng sắc cực vi cõi không làm thể”. Luận chép: “Sắc hoánh tức sắc sáng, tối, phải biết rằng, ánh sáng, ảnh, sắc, sắc cực hoánh. Ánh nắng mặt trời, gọi là ánh sáng; ánh lửa khác, gọi sáng ảnh; tối trái với sáng này, đâu phải chỉ sáng, tối là sắc hoánh ư? Chỉ nói sáng, tối, chỉ nêu phần nhỏ, nhưng sắc cõi không, trên, dưới, nhận thấy riêng, phân tích thành sắc hoánh và vì một hiển sắc không, nên sắc cõi không gồm sáu thứ sắc, phân tích đến cực vi, gọi chung là cực hoánh. Về nguyên nhân kiến lập cực hoánh này, như trước đã nói, nên biết”.

(3) Sắc do thọ uẩn: Luận tự nói: “Gọi là sắc vô biểu”. Có nghĩa:

“Chỉ hai, dùng vô biểu luật nghi, bất luật nghi làm thể, mỗi chỗ đều nói: “Vô biểu pháp xứ chỉ hai thứ này, cần phải mạnh mẽ, nhạy bén, vì tư duy hạt giống ấy là vô biểu”.

Có nghĩa: “Cũng dùng vô biểu phi luật nghi, phi bất luật nghi làm tánh. Thuyết thứ tám này nói nghiệp có ba”:

1- Luật nghi.

2- Bất luật nghi.

3- Phi luật nghi, phi bất luật nghi. Nghĩa là tất cả nghiệp thiện, bất thiện kia, hoặc bố thí v.v...; hoặc ấu đả, đánh đập, v.v... là nghiệp không thuộc về luật nghi, bất luật nghi, đều được gồm thâu ở đây.

Luận Hiển Dương quyển 54 chép: “Sự khác nhau của tác dụng sắc. Nghĩa là tác dụng thuộc về luật nghi, bất luật nghi, phi luật nghi, phi bất luật nghi, hữu biểu, vô biểu, vì nói bố thí, v.v... là nghiệp này, nên biết rằng, nghiệp này cũng có vô biểu”.

Nói ba luật nghi, v.v... hữu biểu, vô biểu là tác dụng của sắc, duyên vì sao chỉ có hai hữu biểu, và vô biểu? Và nghiệp trong chỗ này chỉ có hữu biểu ư?

Không nói ba, tức vì loại thiện, ác thuộc về hai, nên định do thọ đã dẫn sinh, chung cho cả ba thứ.

Vô biểu luật nghi gồm có ba thứ:

(1) Vô biểu biệt giải thoát, tức giới của bảy chúng.

(2) Định đều có vô biểu, tám Đẳng chí đều có các giới hữu lậu, đây cũng gọi là luật nghi tĩnh lự. Vì oai nghi cõi Sắc, nên dùng đó đặt tên.

(3) Vô biểu, vô lậu, tám đẳng chí đều có các giới vô lậu. Nếu vô biểu biệt giải thoát, vô biểu bất luật nghi, vô biểu trong xứ, ba vô biểu này đều dựa vào sự phát động tư duy hạt giống, vì đề phòng phát ra vị tăng trưởng công năng thiện, ác của thân, ngữ để lập, nên Duy Thức chép: “Nghĩa là vô biểu này hoặc y cứ phát ra vị tăng trưởng tư duy hạt giống thiện, ác của thân, ngữ vượt hơn, để lập thành nghiệp”.

**Luận chép:** “Phát động tư duy vượt hơn, hay phát ra biểu luật nghi, bất luật nghi, do đây, huân tập thành vị chưa tổn hoại hai hạt giống vượt hơn. Giả lập định vô biểu luật nghi thiện, ác, đều có hai thứ vô biểu vô lậu, dựa vào hai vị hạt giống kia, dứt ác, biểu hiện công năng tư duy, để kiến lập, nên Duy thức chép: “Hoặc y chỉ trong định, dứt trừ tư duy hiện hành ác của thân, ngữ để lập. Các vô biểu này là đoạn dẫn bởi thọ”.

(4) Sắc do biến kế sinh khởi, luận chép: “Nghĩa là sắc ảnh tượng, sinh ý thức phân tán riêng, chung cho căn, trần, không có tác dụng của

căn, v.v... đối tượng biến hiện của tâm ba tánh; trăng đáy nước, bóng trong gương, những thứ này chẳng phải một. Nhân chấp sắc, v.v... cảnh định của năm căn, năm trần, đối tượng biến hiện, ảnh tượng không có tác dụng là thể của sắc do biến kế khởi”.

(5) Sắc định sinh bởi tự tại: Luận chép: “Dùng sắc của cảnh tĩnh lực giải thoát làm thể. Luận Hiển Dương quyển 53 chép: “Vì năng lực định vượt hơn, nên đều được tự tại đối với tất cả sắc, tức dùng cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc do định biến hiện ra làm thể.

3- *Giải thích danh tự*: Đầu tiên là sắc cực lược. Cực nghĩa là đến, cùng cực, biên.

Lược có hai nghĩa:

(1)- Nghĩa chung: Lược chung các sắc, phân tích đến cực vi, gọi là sắc cực lược.

(2)- Nghĩa nhỏ: Phân tích các căn, cảnh đến chỗ cực nhỏ, gọi là sắc cực lược, nên gọi là cực lược, không gọi Cực vi. Lược là chung, nghĩa là cùng tột của sắc lược. Lược là nhỏ: sắc tức là cực lược; hoặc cực lược của sắc.

Hai cách giải thích: Y sĩ, và trì nghiệp, tùy thuộc thích ứng. Nay sắc này là tên chung của năm thứ. Hai cách giải thích dù thành, nhưng trì nghiệp là vượt hơn. Sắc của hoánh: sắc hoánh tức là xứ sắc. Sắc hoánh lia trở ngại, mới sáng rõ, sử dụng tên hoánh. Cực hoánh tức sắc, cùng cực của sắc hoánh, sắc cùng cực của hoánh”.

Hai cách giải thích, tùy thuộc thích ứng, sắc đã là tên chung; giải thích đầu, cuối vượt hơn. Dù sáng, tối v.v... cũng là đối tượng phân tích. Sáng, v.v... là riêng; sắc hoánh là chung; xứ sở rộng hẹp là y, không gọi cực sáng, v.v... chỉ gọi sắc cực hoánh. Nhưng sắc cực hoánh này là một hiển với không, loại trên dưới khác nhau, đều có sắc của cõi không, chẳng gọi là cực không, mà gọi là cực hoánh, vì e lạm quá hư không cũng là tánh sắc. Lại, sắc hoánh chung; sắc không chỉ ở trên, nên không gọi cực không, chỉ gọi là cực hoánh.

Sắc do thọ dẫn phát: Thọ, nghĩa là lãnh thọ, nghĩa là nhân giáo, nhân sư mà lãnh thọ. Dẫn nghĩa là dẫn phát, được dẫn bởi thọ, gọi là được thọ dẫn phát. Thọ đã dẫn phát, tức tên sắc, sắc do thọ đã dẫn; Hai danh ly, hợp, tức thành hai cách giải thích. Mặc dù giới đạo định có được, không từ thầy dạy bảo, nhưng khi vận dụng phương tiện, cũng từ sự chỉ dạy. Hoặc tự đoán mời, trông mong; hoặc từ người khác thọ, do đây, nói chung, gọi là đối tượng dẫn của thọ. Lại, vô biểu của giới ác biệt giải thoát, quyết định do thọ khởi, chuyển vận không theo tâm,

đạo, định theo nhau, cũng gọi là đối tượng dẫn phát của thọ. Lại, mặc dù được giới đạo định kia không từ người khác, nhưng loại vô biểu vẫn đồng, đều gọi là đối tượng dẫn phát của thọ, cũng có thọ được định, được đạo, do đây, được gọi chung là sắc do thọ dẫn phát.

Sắc do biến kế khởi: Ý thức của ba tánh, hay biến kế so lường từ đây sinh, gọi là đối tượng khởi của biến kế kia đã khởi, tức sắc, gọi là sắc đã khởi; sắc đã khởi của biến kế, gọi là sắc do biến kế khởi, cũng chung cho hai cách giải thích.

Sắc do tự tại sinh: Định đi suốt qua không có bít lấp, gọi là Tự tại. Quả từ định kia khởi, gọi là do định kia sinh. Đối tượng sinh tức sắc, gọi là sắc đã sinh; sắc đã sinh của tự tại, gọi là sắc do tự tại sinh. Hai cách giải thích như trước.

4- *Phân biệt giả, thật*: luận Hiển Dương quyển 6 chép: “Cực vi không có tự thể, do tuệ phân tích”. Luận Hiển Dương quyển 5 chép: “Tuệ phân tích sắc thô, đến bờ mé rất vi tế, kiến lập cực vi, chẳng phải do có thể, nên nói cực vi không có sinh, không có diệt”. Du-già quyển 3 chép: “Trong nhóm sắc, đã không hề có cực vi, lúc từ hạt giống sinh, chỉ tu tập khởi, cũng không phải cực vi nhóm họp thành sắc thô”. Duy Thức cũng chép: “đến bờ mé sắc, giả lập cực vi”. Duy Thức quyển 54 đều nói, đồng với quyển này, nên hai sắc đầu tiên, đều là giả có”. Thành Duy thức chép: “Rằng, y cứ vào sự phân chia giới hạn thiện, ác của tư duy, nguyện giả lập vô biểu”. Thành Nghiệp cũng chép: “Dựa vào vị chưa tổn hoại của hai hạt giống, giả lập vô biểu luật nghi thiện ác”. Đây là vì chứng cứ rất nhiều, nên sắc do thọ dẫn phát cũng là giả có”.

Luận Hiển Dương quyển 18 chép: “Bảy việc không có thật, vì ba ảnh tượng, bốn tiếng vang, nên sắc biến kế cũng là giả có. Quyển 54 chép: “Rơi vào sắc pháp xứ có thật, có giả. Nếu có oai đức, cảnh do định vận hành, cũng như biến hóa, thì quả oai đức kia, cảnh định kia và sắc cảnh thức, tương ứng kia v.v... là vật thể có thật”.

Thành Duy thức chép: “thức A-lại-da biến mười xứ sắc và rơi vào sắc hiện thật của nơi chốn pháp, nên thể của sắc quả định là có thật”.

Trong đây có nghĩa: “Bốn thứ trước trong năm thứ sắc là có giả, chỉ thức năm là thật”.

Luận Hiển Dương chép: “Trong bảy việc giả, chỉ nói luật nghi, bất luật nghi giả, không nói quả định cũng là giả có”. Du-già chỉ nói: “Oai đức, sắc định trong sắc pháp xứ là vật có thật; luật nghi, bất luật nghi đều là giả có, cũng không nói thông, trong sắc cảnh định này là có giả”. Nghĩa là: “thứ năm cũng chung cho giả có. Bồ-tát, nhị thừa,

v.v... giải thoát, thắng xứ, Biến xứ, các dụng của sắc thật, tướng giả đều không thật có. Nếu chẳng phải sắc pháp xứ này gồm thâu thì thuộc về sắc nào? Vì cảnh giới định, nên chẳng phải năm cảnh gồm thâu tánh chẳng phải cực vi. Lại, chẳng phải vô biểu, định giải thoát, v.v... kia chẳng phải biến kế. Do đây, lại càng không phải bốn thứ sắc trước; nếu chẳng phải thứ năm, ấy là không có đối tượng hệ thuộc, thì lẽ ra pháp thuộc năm sắc này không cùng tận. Lại, không thể nói vì ảnh tượng, nên gồm thâu sắc biến kế, vì há tâm các định đều trở thành bức vẽ lơ mờ? Vô lậu tâm v.v.. không có tướng giả ư? Vì trí Phật có năng lực thể hiện các ảnh”.

Luận này cũng nói: “Sắc cảnh đã vận hành giải thoát của tính lự, gọi là sắc do định sinh, nhưng do đối tượng biến của bậc Thánh đều có thể hình thành sự thật, vì tướng rất cao siêu”. Nên Du-già chỉ nói: “Sắc kia là do định sinh, do sắc kia giả, vì tướng chẳng phải cao quý, nên lược bỏ không nói. Đối tượng mà phạm phu biến hóa, chỉ khiến cho người khác nhìn thấy, nhưng không thể thọ dụng, há không phải giả hay sao?”.

Luận Hiển Dương quyển một chép: “Sắc do định dẫn phát, do tâm ba phẩm khởi tánh sắc ảnh tượng đối tượng duyên kia và tánh sắc thành thực đã làm ra kia; đầu tiên là sắc giả, sau là sắc thật”. Lại Hiển Dương quyển 18 chép: “Nói ảnh tượng giả có trong bảy sắc giả”. Lại, sắc pháp xứ có mười hai tướng. Ảnh tượng thứ nhất, nếu ảnh tượng giả chẳng phải quả định, thì luận kia sẽ không nói rằng: “Ngoài quả định vô biểu, lại có sắc pháp xứ; sắc của ảnh tượng kia sẽ được gồm thâu bởi sắc nào?, nên biết quả định có giả, có thật”.

Nghĩa sau là khéo léo, vì thuận với lý, giáo.

5- *Chất ảnh có, không*: Duy thức quyển 7 nói: “Có hai sở duyên duyên”:

(1)- Gần.

(2)- Xa.

Nếu với thể năng duyên (chủ thể duyên) không rời nhau, là gọi đối tượng lo nghĩ bên trong kiến phần, v.v... nên biết chủ thể duyên kia là sở duyên duyên gần.

Nếu với thể của chủ thể duyên dù lìa nhau, nhưng vì chất có thể khởi gởi đến đối tượng lo nghĩ nội tại, nên biết rằng, chủ thể duyên kia là sở duyên duyên xa.

Năm thứ sắc này dù phần nhiều là giả, nhưng tướng của đối tượng duyên gần của tâm, chủ thể duyên kia, quyết định đều có, nên luận



Hiển Dương kia lại nói: “Chủ thể duyên, sở duyên duyên gần đều có; rời gởi đối tượng lo nghĩ nội tại, tất nhiên không thể sinh, vì tánh là y tha, khởi từ nhân. Các sắc chẳng có thật, tức do hạt giống năng duyên, v.v... sinh ra, vì không có tác dụng của sắc; hoặc vì không có hạt giống riêng hình thành bản chất, nên đồng một hạt giống khởi, nhưng chẳng có tác dụng thật. Nếu có thật, vì có tác dụng của sắc, nên riêng từ hạt giống sinh, chẳng phải đồng một hạt giống khởi với chủ thể duyên, như then chốt thiết yếu nói; hoặc sắc biến tợ; hoặc có tác dụng của sắc, y cứ vào hai thứ này, vì đối tượng duyên gần, nên năm đều gọi là sắc. Dựa vào lượng nhóm họp, nói là sở duyên duyên xa, tất cả tâm sinh quyết định đều có”. Luận Phật địa, v.v... chép: “Khi trí vô phân biệt duyên chân như, cũng biến ra ảnh tượng, nên các tâm khởi định có bản chất; đầu tiên, sắc cực lược, cõi dục, mười xứ, có xứ sắc, do sắc thật quả định của Sắc, Vô Sắc dùng làm bản chất”. Luận chép: “Vì cực vi có mười lăm, nên tiếp theo, sắc cực hoánh, dùng xứ sắc của cõi Dục, sắc làm chất, vì cõi Vô Sắc không có nơi chốn riêng, nên các thuyết đã nói trong đây, đều do phân tích sắc thọ kia mà sinh, nên dùng làm chất, chẳng phải có loại sắc kia nói là bản chất; sắc do thọ dẫn phát, đã chẳng phải tâm biến hóa, vì chẳng phải ảnh tượng, nên không nói là bản chất; biến kế đã khởi, do cõi Dục, sắc mười, có xứ sắc và sắc do định khởi trong hai cõi trên, dùng làm bản chất, vì đều có thể gởi ảnh tượng biến hóa kia, nên sắc do định sinh, dùng sắc các căn, cảnh của cõi Dục, Sắc, cho là bản chất”.

Luận Phật Địa quyển 54 chép: “Sắc của quả định vượt hơn, nhưng từ duyên Tam-ma-địa, ảnh tượng của chủng loại kia, phát ra, vì nói là đại tạo kia, nên dùng các sắc của hai cõi làm chất. Hoặc sắc có chất, hoặc không có, cảnh gốc, đều dùng danh, giáo để làm bản chất, thừa nhận hành tướng thức, thấy chung là ảnh, nên biết nhất định đối tượng duyên có ảnh chất. Do bản chất của bốn sắc này đều thành”. Nên Thành Duy Thức chép: “Chủ thể duyên, sở duyên, duyên xa hoặc có, vì lìa ngoài đối tượng nương gá, cũng được sinh”. Duy thức quyển 8, quyển 6 chép: “Các phẩm tâm này đã dựa vào bản chất, hoặc có, hoặc không, sở duyên duyên xa có, không, chẳng nhất định”.

Nếu y cứ vào nghĩa này, thì sắc cực lược, cực hoánh, biến kế khởi, phân tích duyên các sắc; nhân danh giáo: nghĩa là bản chất như trước. Y cứ vào tự tâm, tư, chấp các ngã, pháp, hoa đốm giữa hư không, sừng thỏ, quá khứ, vị lai, kiếp tận, thường nhỏ nhen. Không do giáo của người, đều không có bản chất. Lại, sắc của quả định có biến, có hóa,

có duyên theo người khác khởi năng lực định sinh. Nếu biến hóa duyên định người khác có bản chất thì năng lực định biến hóa kia và vị tự tại, vì không cần người khác sinh, nên bản chất này có, không chẳng nhất định, dù nói hành tướng chung cho kiến và ảnh, ai thừa nhận tâm khắp tất cả kia, chánh trí duyên như hạnh, vì duyên một. Nếu duyên như thế, trí cũng có ảnh tượng. Ai có thể soi rọi trí kia, mà biết có chân như? Tức Hậu trí gốc, lẽ ra cũng chẳng có riêng. Lại, các Bồ-tát dù nhập Diệt định, vẫn còn khởi oai nghi đến khắp các tịnh độ. Đây là do quyết định ý ưa thích ở trước, kích thích phát tướng phần bản thức, biểu hiện các oai nghi. Về sau, dù tâm diệt, nhưng oai nghi không diệt. Vì thức thứ tám gìn giữ duyên chân như kia, nên oai nghi của vị này, dựa vào bản chất nào? Không như vậy, thì Bát địa trở lên, Bồ-tát nhập vị Diệt định, không có ý thức trước, phát khởi oai nghi, lẽ ra không thành niệm niệm nhập định, cũng chẳng phải không khởi định, biểu hiện các oai nghi”.

Như thế, là trái với các chỗ kinh điển. Lại, Phạm Vương, v.v... biến hóa các loại hình gốc. Phật trước kia, nghe pháp, bàn luận, nói năng. Tâm, ý, thức, chủ thể biến hóa trước đã diệt, vì chẳng phải khi định suốt qua thức, hiện ở trước, hình đã biến hóa này chỉ là cảnh của thức thứ tám; Cảnh ấy dùng pháp nào làm bản chất? Đối tượng duyên thức thứ tám, cũng vì quả của định, nên do quả định ở đây đã dựa vào bản chất có, không, chẳng nhất định, nên Duy thức chép: “Khế hợp với tông sâu kín, nhóm hợp lực lượng chưa hiện hành. Vả lại, y cứ vào hiện giáo, cảnh tánh không tùy thuận tâm, độc ảnh chỉ từ kiến, đởi chất chung cho các tùy thuộc thích ứng như tình bốn, tánh chủng, v.v...”

ĐẠI THỪA PHÁP UYỂN NGHĨA LÂM CHƯƠNG QUYỂN 5 (HẾT)